

CHỦ ĐỀ 1: VIỆT NAM 1919 – 1930**BÀI 12 : PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925****I. TÓM TẮT KIẾN THỨC:****1. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp**

- Nguyên nhân: Bù đắp thiệt hại trong chiến tranh thế giới I
- Điểm mới: Tăng cường quy mô, tốc độ khai thác
- Đầu tư chủ yếu: vào nông nghiệp và khai mỏ
- Hệ quả
 - + Kinh tế: Phát triển mất cân đối, còn lạc hậu, phụ thuộc vào kinh tế Pháp
 - + XH: Mâu thuẫn dân tộc sâu sắc hơn

2. Phong trào dân chủ 1919 – 1925.

- Bối cảnh:
 - + Cuộc khai thác thuộc địa lần 2 → Mâu thuẫn dân tộc gay gắt.
 - + Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi (11/1917)
 - + Quốc tế Cộng sản được thành lập (3/1919)
 - + Các nước tư bản thiết lập trật tự Vecxai – Oasinhton.
- Phong trào của tư sản dân tộc: Chủ yếu đòi mục tiêu kinh tế
- Phong trào công nhân: Phát triển từ tự phát lên tự giác.
- Tầng lớp tiểu tư sản: Đòi tự do dân chủ.

Đặc điểm: Phong trào chủ yếu đòi quyền lợi về kinh tế, mang tính tự phát

3. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc: Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn (7/1920), chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức, truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về nước. Xây dựng mối quan hệ quốc tế cho CMVN. (Cần nắm các mốc thời gian hoạt động chủ yếu của N.A.Q)

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành nào?

- | | |
|---|---------------------------------------|
| A. Công nghiệp chế biến. | B. Nông nghiệp và khai thác mỏ |
| C. Nông nghiệp và thương nghiệp. | D. Giao thông vận tải |

Câu 2. Chỗ dựa của thực dân Pháp để tăng cường bóc lột nông dân trong cuộc khai thác lần thứ 2 là

- | | |
|--|-----------------------------------|
| A. giai cấp địa chủ phong kiến. | B. tầng lớp đại địa chủ |
| C. tầng lớp tư sản mại bản. | D. tầng lớp tư sản dân tộc |

Câu 3. Lĩnh vực kinh tế nào **không** được Pháp chú trọng đầu tư trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương?

- | | |
|-----------------------------|------------------------------|
| A. Công nghiệp nặng. | B. Ngoại thương |
| C. Công nghiệp nhẹ. | D. Giao thông vận tải |

Câu 4. Nhằm độc quyền chiếm thị trường Đông Dương, tư bản độc quyền Pháp đã làm gì?

- | |
|--|
| A. Ban hành đạo luật đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài nhập vào Đông Dương |
| B. Cản trở hoạt động của tư bản Trung Quốc, Nhật Bản |
| C. Lập ngân hàng Đông Dương |
| D. Chỉ nhập hàng hóa Pháp vào thị trường Đông Dương |

Câu 5. Chính sách khai thác thuộc địa lần 2 của Pháp ở Việt Nam (1919-1929) có điểm gì tương đồng với chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất?

- | |
|---|
| A. Pháp chú trọng đầu tư vào ngành khai thác mỏ. |
|---|

B. Pháp không đầu tư nhiều vào các ngành công nghiệp nặng.

C. Đẩy mạnh hoạt động thương mại xuất nhập khẩu.

D. Không đầu tư nhiều vào cơ sở hạ tầng.

Câu 6. Thực dân Pháp bắt đầu tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương (1919-1929) trong bối cảnh thế giới như thế nào?

A. Nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa ổn định.

B. Hệ thống thuộc địa của các nước tư bản chủ nghĩa Âu-Mỹ bị thu hẹp.

C. Các nước tư bản châu Âu gánh chịu hậu quả chiến tranh nặng nề.

D. Nền kinh tế thế giới đang trên đà phát triển mạnh.

Câu 7. Vì sao thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam ngay sau khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc?

A. Để bù vào những thiệt hại trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất

B. Để bù đắp những thiệt hại do Chiến tranh thế giới lần thứ nhất gây ra

C. Do ngay sau khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, Pháp là nước thắng trận nên có đủ sức mạnh tiến hành khai thác ngay

D. Do Việt Nam có nhiều cao su và than là 2 mặt hàng mà thị trường Pháp và thế giới có nhu cầu lớn sau chiến tranh.

Câu 8. Thực dân Pháp hạn chế sự phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929) chủ yếu là do

A. nguồn nhân lực Việt Nam không đáp ứng được yêu cầu.

B. muốn cột chặt nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế Pháp.

C. thị trường Việt Nam nhỏ hẹp không đáp ứng yêu cầu.

D. muốn ưu tiên nguồn vốn đầu tư cho công nghiệp nhẹ.

Câu 9. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của đế quốc Pháp ở Việt Nam có điểm gì mới?

A. Tăng cường vốn đầu tư vào tất cả các ngành kinh tế

B. Cướp đoạt toàn bộ ruộng đất của nông dân lập đồn điền trồng cao su

C. Hạn chế sự phát triển các ngành công nghiệp nhất là công nghiệp nặng

D. Qui mô khai thác lớn hơn, triệt để hơn, xã hội bị phân hóa sâu sắc.

Câu 10. Tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp đến nền kinh tế Việt Nam là gì?

A. Nền kinh tế Việt Nam phát triển độc lập

B. Nền kinh tế Việt Nam vô cùng bị lạc hậu, què quặt, bị cột chặt vào kinh tế Pháp

C. Nền kinh tế Việt Nam đã có sự phát triển mới nhưng vẫn lạc hậu, bị kìm hãm, lệ thuộc Pháp

D. Nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc hoàn toàn vào Pháp

Câu 11. Giai cấp nào có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai?

A. Nông dân.

B. Tư sản dân tộc.

C. Địa chủ.

D. Công nhân

Câu 12. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, giai cấp tư sản phân hóa như thế nào?

A. Tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp.

B. Tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp

C. Tư sản dân tộc và tư sản mại bản

D. Tư sản dân tộc và tư sản công thương

Câu 13. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, lực lượng nào hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam?

A. Công nhân.

B. Nông dân.

C. Tiểu tư sản.

D. Tư sản dân tộc

Câu 14. Giai cấp công nhân Việt Nam xuất thân chủ yếu từ giai cấp nào?

- A. Giai cấp tư sản bị phá sản
 B. Giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất.
 C. Tầng lớp tiểu tư sản bị chèn ép
 D. Thợ thủ công bị thất nghiệp

Câu 15. Thái độ chính trị của tầng lớp đại địa chủ phong kiến đối với thực dân Pháp như thế nào?

- A. Sẵn sàng thỏa hiệp với Pháp để chống lại giai cấp tư sản dân tộc
 B. Sẵn sàng phối hợp với tư sản dân tộc để chống Pháp khi bị chèn ép
 C. Sẵn sàng thỏa hiệp với Pháp để hưởng quyền lợi
 D. Sẵn sàng đứng lên chống thực dân Pháp khi bị cắt xén quyền lợi kinh tế

Câu 16. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cùng với thực dân Pháp lực lượng xã hội nào dưới đây trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam?

- A. Đại địa chủ và tư sản mại bản.
 B. Trung, tiểu địa chủ và tư sản mại bản.
 C. Trung địa chủ và tư sản mại bản
 D. Tiểu địa chủ và tư sản mại bản.

Câu 17. Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng đó là gì?

- A. Đại diện cho lực lượng tiến bộ
 B. Có tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm
 C. Bị ba tầng áp bức bóc lột, có quan hệ tự nhiên với giai cấp nông dân, kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc
 D. Điều kiện lao động và sinh sống tập trung

Câu 18. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, xã hội Việt Nam tồn tại nhiều mâu thuẫn, trong đó có mâu thuẫn nào là cơ bản nhất?

- A. Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ
 B. Mâu thuẫn giữa công nhân và tư bản
 C. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam và thực dân Pháp
 D. Mâu thuẫn giữa tư sản và địa chủ

Câu 19. Sự kiện nào trên thế giới có ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới nhất?

- A. Sự thành công của Cách mạng tháng Mười Nga (11-1917)
 B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (6-1919)
 C. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp (12-1920)
 D. các nước thắng trận họp Hội nghị Vécxai.

Câu 20. Mục tiêu đấu tranh chủ yếu của phong trào công nhân Việt Nam trong 1919 -1924 là gì?

- A. Đòi quyền lợi về kinh tế.
 B. Đòi quyền lợi về chính trị
 C. Đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị
 D. Chống Pháp để giải phóng dân tộc

Câu 21. Vào tháng 8-1925 diễn ra sự kiện nổi bật gì của giai cấp công nhân Việt Nam?

- A. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn.
 B. Cuộc bãi công của công nhân Bắc Kỳ.
 C. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son- Sài Gòn.
 D. Bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định.

Câu 22. Sự kiện nào thể hiện: "Tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn vào giai cấp công nhân và bắt đầu biến thành hành động của giai cấp công nhân Việt Nam?"

- A. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (8-1925)
 B. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lê nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920)
 C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang dội ở Sa Diện (Quảng Châu) (6-1924)
 D. Nguyễn Ái Quốc gửi yêu sách đến Hội nghị Véc xai (1919)

Câu 23. Tại sao cho rằng cuộc bãi công của công nhân Ba Son (8/1925) là một mốc quan trọng trên con đường phát triển của phong trào công nhân?

- A. Do cuộc bãi công đã ngăn cản được tàu chiến Pháp chở lính sang đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân và thủy thủ Trung Quốc
- B. Đánh dấu tư tưởng của cách mạng tháng Mười đã được giai cấp công nhân Việt Nam tiếp thu
- C. Vì sau cuộc bãi công của công nhân Ba Son có rất nhiều cuộc bãi công của công nhân Nam Định, Chợ Lớn, Hà Nội,... tổng bãi công
- D. Đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam, từ đây phong trào đấu tranh của công nhân bước vào đấu tranh tự giác**

Câu 24. Vì sao nói, cuộc bãi công của công nhân Ba Son (8/1925) là mốc đánh dấu sự chuyển biến từ tự phát sang tự giác của phong trào công nhân Việt Nam?

- A. Kết quả đấu tranh buộc Pháp phải tăng 20% lương
- B. Đấu tranh có tổ chức, vì mục đích chính trị, thể hiện tinh thần quốc tế vô sản**
- C. Đấu tranh có sự liên kết chặt chẽ với nông dân
- D. Lần đầu tiên của sự đoàn kết đấu tranh vì nhân dân Trung Quốc

Câu 25. Yếu tố nào quyết định sự xuất hiện của khuynh hướng tư sản ở Việt Nam đầu thế kỷ XX?

- A. Những chuyển biến về kinh tế, xã hội, tư tưởng.**
- B. Sự xuất hiện của giai cấp tư sản và tiểu tư sản.
- C. Sự lỗi thời của hệ tư tưởng phong kiến.
- D. Sự khủng hoảng suy yếu của chế độ phong kiến.

Câu 26. Phong trào đấu tranh đầu tiên sau Chiến tranh thế giới thứ 2 do giai cấp tư sản dân tộc khởi xướng?

- A. Chống độc quyền cảng Sài Gòn
- B. Chống độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kỳ
- C. Phong trào " Chấn hưng nội hóa", "Bài trừ ngoại hóa"**
- D. Thành lập Đảng Lập hiến để tập hợp lực lượng quần chúng

Câu 27. Trần Dân Tiên viết : "việc đó tuy nhỏ nhưng nó báo hiệu bắt đầu thời đại đấu tranh dân tộc như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân". Đó là sự kiện nào sau đây?

- A. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son
- B. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925)
- C. Phong trào để tang Phan Châu Trinh (1926)
- D. Tiếng bom Phạm Hồng Thái tại Sa Diện - Quảng Châu (6-1924)**

Câu 28. Mục tiêu đấu tranh trong phong trào yêu nước dân chủ công khai những năm 1919 - 1926?

- A. Chống tư bản Pháp nắm độc quyền xuất cảng lúa gạo
- B. Đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu
- C. Thành lập Đảng Lập hiến để tập hợp quần chúng đấu tranh chống Pháp
- D. Đòi một số quyền lợi về kinh tế và các quyền tự do dân chủ.**

Câu 29. Tư sản dân tộc Việt Nam có thái độ chính trị như thế nào khi tham gia vào phong trào dân tộc dân chủ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Có tinh thần cách mạng triệt để
- B. Hăng hái, nhiệt tình, đi đầu trong các phong trào chống thực dân Pháp
- C. Kiên quyết đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai
- D. Không kiên định, dễ thỏa hiệp, cải lương khi được nhượng bộ một số quyền lợi**

Câu 30. Sự kiện nào đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, đưa Nguyễn Ái Quốc trở thành đảng viên cộng sản Việt Nam đầu tiên?

- A. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đến tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc
- B. Đưa yêu sách đến Hội nghị Véc - xai (18-6-1919)
- C. Đọc luận cương của Lê nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920)
- D. Bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920)**

Câu 31. Vì sao Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế lần thứ III?

- A. Quốc tế III bênh vực cho quyền lợi của các nước thuộc địa.**
- B. Quốc tế III giúp nhân dân ta đấu tranh chống thực dân Pháp
- C. Quốc tế III đề ra đường lối cho cách mạng Việt Nam
- D. Quốc tế III chủ trương thành lập Mặt trận giải phóng dân tộc ở Việt Nam

Câu 32. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?

- A. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu cầu đến Hội nghị Véc - xai (18-6-1919)
- B. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920)
- C. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lê - nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920).**
- D. Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (6-1925)

Câu 33. Con đường đi tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với con đường cứu nước của lớp người đi trước ở điểm nào?

- A. Đi sang phương Tây tìm đường cứu nước**
- B. Đi sang châu Mỹ tìm đường cứu nước
- C. Đi sang châu Phi tìm đường cứu nước
- D. Đi sang phương Đông tìm đường cứu nước

Câu 34. Công lao đầu tiên to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911 - 1930 là gì?

- A. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn**
- B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên
- C. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
- D. Khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam

Câu 35. Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu đặt cơ sở cho mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới khi Người

- A. dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.
- B. gửi bản Yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai.
- C. dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp.
- D. tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa**

Câu 36. Sự kiện tháng 6-1924, gắn với hoạt động nào của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô?

- A. Người dự Đại hội quốc tế nông dân
- B. Người dự Đại hội lần thứ V Quốc tế cộng sản
- C. Người dự Đại hội quốc tế phụ nữ
- D. Người dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản.

Câu 37. Đặc điểm của quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 ở Việt Nam là gì?

- A.** Quá trình chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3 - 2 - 1930)
- B.** Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin vào Việt Nam
- C.** Quá trình thành lập ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam
- D.** Quá trình chuẩn bị thực hiện chủ trương "vô sản hóa" để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin vào Việt Nam

Câu 38. Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc lựa chọn khác với các bậc tiền bối là con đường nào?

- A.** Cách mạng vô sản
- B.** Dựa vào Pháp để lật đổ chế độ phong kiến
- C.** Dựa vào Nhật Bản để đánh đuổi thực dân Pháp
- D.** Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản

Câu 39. Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã xuất bản tác phẩm nào?

- A.** Bản án chế độ thực dân Pháp.
- B.** Đường Kách mệnh
- C.** Báo Thanh niên
- D.** Tạp chí Đời sống công nhân

Câu 40. Tại sao nói Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam?

- A.** Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, con đường cách mạng vô sản
- B.** Người đã tiếp nhận ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lenin và đã có công truyền bá về Việt Nam
- C.** Người đã trình bày tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V lập trường, quan điểm, vị trí chiến lược của cách mạng các nước thuộc địa
- D.** Sau những năm bôn ba ở nước ngoài Người đã hiểu rõ bản chất của chủ nghĩa đế quốc thực dân

1.B	11.D	21.C	31.A
2.B	12.C	22.A	32.C
3.A	13.B	23.D	33.A
4.A	14.B	24.B	34.A
5.B	15.C	25.A	35.D
6.C	16.A	26.C	36.B
7.B	17.C	27.D	37.A
8.B	18.C	28.D	38.A
9.D	19.A	29.D	39.A
10.C	20.A	30.D	40.B

BÀI 13 : PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 ĐẾN NĂM 1930

I. TÓM TẮT KIẾN THỨC:

1. Sự ra đời, hoạt động của Việt Nam Cách mạng thanh niên

- Ra đời: 6/1925. Khuynh hướng vô sản
- Hoạt động:
 - + Ra báo Thanh Niên (21/6/1925)
 - + Mở lớp đào tạo cán bộ,
 - + Xuất bản *Đường cách mệnh* (1927)
 - + Tổ chức phong trào *Vô sản hóa* (từ 1928)
- Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là một sáng tạo độc đáo của Nguyễn Ái Quốc trong việc tuyên truyền, tổ chức cách mạng ở Việt Nam. Đây là một bước quá độ nhằm chuẩn bị cho sự ra đời 1 chính đảng Cộng sản sau này.

2. Sự ra đời 3 tổ chức Cộng sản năm 1929: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

→ là một xu thế khách quan của lịch sử, nhưng hoạt động riêng rẽ→ ảnh hưởng đến cách mạng.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời:

- Hợp nhất các tổ chức Cộng sản.
- Nguyễn Ái Quốc là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam
 - + Lựa chọn con đường CM vô sản (Chuẩn bị về tư tưởng chính trị)
 - + Chuẩn bị về tổ chức: Lập hội VN CMTN...
 - + Truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin
 - + Triệu tập, chủ trì hội nghị hợp nhất
 - + Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng
- ĐCS VN ra đời là **bước ngoặt** của cách mạng VN: Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối, giai cấp lãnh đạo
- Là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt của CM VN
- Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đã xác định các vấn đề cách mạng cơ bản: Đường lối; lãnh đạo; lực lượng; tính chất; quan hệ quốc tế→ đúng đắn, sáng tạo với tư tưởng cốt lõi là **Độc lập-tự do**

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn những thanh niên trong tổ chức nào để lập ra Cộng sản đoàn?

- | | |
|--|-----------------------------------|
| A. Tâm tâm xã. | B. Tân Việt Cách mạng đảng |
| C. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. | D. Việt Nam Quốc dân đảng |

Câu 2. Ngay sau khi thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Nguyễn Ái Quốc đã cùng một số nhà yêu nước Triều Tiên, Ấn Độ thành lập tổ chức chính trị nào tại Quảng Châu (Trung Quốc)?

- | | |
|--|--|
| A. Hội Liên hiệp thuộc địa. | B. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông |
| C. Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam. | D. Tân Việt cách mạng đảng |

Câu 3. Những hoạt động nào của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên gắn bó mật thiết với vai trò của Nguyễn Ái Quốc?

- | |
|---|
| A. Bí mật chuyển các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc về nước |
| B. Chủ trương phong trào "Vô sản hóa" |

C. Mở lớp tập huấn chính trị đào tạo cán bộ tại Quảng Châu - Trung Quốc; ra báo "Thanh niên"

D. Phong trào bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm và cửa Bến Thủy

Câu 4. Khuynh hướng của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là:

A. Khuynh hướng dân chủ tư sản.

B. Khuynh hướng vô sản.

C. Khuynh hướng tư sản.

D. Kết hợp giữa khuynh hướng vô sản với tư sản.

Câu 5. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là:

A. Báo "Người cùng khổ"

B. Tác phẩm "Đường Kách mệnh"

C. Tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp"

D. Báo Thanh niên

Câu 6. Phong trào "Vô sản hóa" có nhiệm vụ chủ yếu là gì?

A. Làm cho phong trào yêu nước phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa

B. Đưa hội viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên cùng sinh hoạt và lao động với công nhân để tự rèn luyện và tuyên truyền, vận động cách mạng, nâng cao ý thức chính trị cho giai cấp công nhân

C. Tăng số lượng hội viên nhanh chóng

D. Tiến tới thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

Câu 7. Sự phân hóa của Tân Việt cách mạng đảng đã dẫn đến thành lập tổ chức cộng sản nào ở Việt Nam năm 1929?

A. Đông Dương Cộng sản Đảng.

B. Đông Dương Cộng sản liên đoàn

C. An Nam Cộng sản Đảng

D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 8. Quá trình phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã dẫn đến sự thành lập các tổ chức cộng sản nào trong năm 1929?

A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng

B. Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn

C. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn

D. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn

Câu 9. Báo "Búa liềm" là cơ quan ngôn luận của tổ chức nào được thành lập năm 1929 ở Việt Nam?

A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

B. An Nam Cộng sản đảng.

C. Đông Dương Cộng sản đảng

D. Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Câu 10. Sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam từ 1926 - 1929 có ý nghĩa như thế nào đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Là nhân tố tích cực thúc đẩy việc hình thành các tổ chức cộng sản, để đến đầu năm 1930 thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

B. Phong trào phát triển mạnh mẽ có ảnh hưởng rộng lớn trong toàn quốc, có sức thu hút các lực lượng xã hội khác tham gia thành lập Đảng Cộng sản

C. Phong trào công nhân càng lên cao, ý thức giai cấp càng rõ rệt và giai cấp công nhân trưởng thành nhanh chóng khi Đảng Cộng sản ra đời năm 1930

D. Phong trào công nhân phát triển cùng với sự tăng nhanh của các cuộc bãi công, chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá và Đảng Cộng sản ra đời

Câu 11. Nội dung nào dưới đây là ý nghĩa của sự thành lập 3 tổ chức cộng sản năm 1929 ở Việt Nam?

A. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam

B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng to lớn cho cách mạng Việt Nam

C. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

D. Là kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam

Câu 12. Tại sao nói sự ra đời của ba tổ chức Cộng sản vào cuối năm 1929 là xu thế tất yếu của cách mạng Việt Nam

A. Sự ra đời của ba tổ chức đáp ứng yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam

B. Sự ra đời của ba tổ chức sẽ đáp ứng nguyện vọng của quần chúng nhân dân

C. Sự ra đời của ba tổ chức là bước phát triển nhảy vọt của phong trào cách mạng Việt Nam

D. Sự ra đời của ba tổ chức là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của Đảng sau này

Câu 13. Việt Nam Quốc dân Đảng là một đảng chính trị theo xu hướng nào?

A. Vô sản.

B. Dân chủ tư sản

C. Dân chủ tiểu tư sản

D. Dân chủ vô sản và tư sản

Câu 14. Tư tưởng của Việt Nam Quốc dân đảng chịu ảnh hưởng của tư tưởng nào?

A. Chủ nghĩa dân tộc.

B. Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn

C. Dân chủ tư sản của Đảng Quốc Đại

D. Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản

Câu 15. Mục tiêu của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng là gì?

A. Đánh đuổi thực dân Pháp, xóa bỏ phong kiến.

B. Đánh đuổi Pháp, giành lại độc lập dân tộc.

C. Đánh đổ giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, lập nên nước Việt Nam độc lập

D. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

Câu 16. Khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930) thất bại do nguyên nhân khách quan nào?

A. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo

B. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu

C. Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động

D. Đế quốc Pháp còn mạnh

Câu 17. Khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản thất bại ở Việt Nam vì:

A. giai cấp tư sản Việt Nam non yếu, không đủ khả năng lãnh đạo

B. chủ trương đấu tranh bạo lực và ám sát cá nhân

C. không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam

D. không lôi cuốn được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia

Câu 18. Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây dẫn đến thất bại của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản ở Việt Nam?

A. Thiếu đường lối chính trị đúng đắn và phương pháp khoa học.

B. So sánh lực lượng không có lợi cho cách mạng, thời cơ chưa xuất hiện.

C. Ngọn cờ tư tưởng tư sản đã lỗi thời, không tập hợp được lực lượng.

D. Nổ ra trong tình thế bị động, tổ chức thiếu chu đáo, Pháp đang mạnh.

Câu 19. Ý nghĩa lịch sử lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?

A. Góp phần cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước tay sai

B. Chấm dứt vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc đối với cách mạng Việt Nam

C. Đánh dấu sự khủng hoảng của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản

D. Việt Nam Quốc dân Đảng đáp ứng một phần yêu cầu của nhiệm vụ dân tộc của nhân dân ta

Câu 20. Đặc điểm nổi bật của phong trào dân tộc, dân chủ Việt Nam đầu thế kỉ XX là:

A. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân từ tự phát sang tự giác

- B. sự phát triển mạnh mẽ của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản
- C. cuộc đấu tranh giành quyền lãnh đạo giữa khuynh hướng cách mạng vô sản và khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản**
- D. sự chuyển biến về tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản trước tác động của chủ nghĩa Mác - Lênin

Câu 21. Biểu hiện thắng thế hoàn toàn của khuynh hướng cách mạng vô sản trước khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản trong những năm đầu của thế kỉ XX ở Việt Nam là sự ra đời của tổ chức nào?

- A. An Nam Cộng sản Đảng.
- B. Đảng Cộng sản Việt Nam**
- C. Đông Dương Cộng sản Đảng
- D. Chi bộ Cộng sản đầu tiên

Câu 22. Sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

- A. Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về giai cấp và tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- B. Chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã hoàn toàn trưởng thành.
- C. Là mốc đánh dấu chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.
- D. Là một xu thế của cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản.**

Câu 23. Sự xuất hiện 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam vào năm 1929 có sự hạn chế gì?

- A. Nội bộ những người cộng sản Việt Nam chia rẽ, mất đoàn kết, ngăn cản sự phát triển của cách mạng Việt Nam**
- B. Phong trào cách mạng Việt nam có nguy cơ tụt lùi
- C. Phong trào cách mạng Việt Nam phát triển chậm lại
- D. Kẻ thù lợi dụng để đàn áp cách mạng

Câu 24. Tại Hội nghị hợp nhất 3 tổ chức cộng sản, có sự tham gia của các tổ chức cộng sản nào?

- A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng**
- B. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn
- C. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn
- D. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn

Câu 25. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời do tác động của nhiều yếu tố, trong đó, yếu tố nào sau đây **không** đúng?

- A. Sự phát triển của phong trào yêu nước Việt Nam
- B. Sự thất bại của Việt Nam Quốc dân Đảng**
- C. Sự phổ biến chủ nghĩa Mác - Lê nin vào Việt Nam
- D. Sự phát triển tự giác phong trào công nhân Việt Nam

Câu 26. Con đường cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, đó là:

- A. Làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để tiến lên chủ nghĩa cộng sản**
- B. Thực hiện cách mạng ruộng đất cho triệt để
- C. Tịch thu hết sản nghiệp của bọn đế quốc
- D. Đánh đổ địa chủ phong kiến, làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng dân tộc

Câu 27. Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền ở Việt Nam?

- A. Đánh đổ phong kiến địa chủ, giành đất cho dân cày
- B. Đánh đổ đế quốc Pháp giành độc lập cho dân tộc
- C. Đánh đổ thế lực phong kiến, đánh đổ ách bóc lột theo lối tư bản thực hành cách mạng thổ địa triệt để và đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp làm cho nhân dân hoàn toàn độc lập**
- D. Đánh đổ giai cấp tư sản và địa chủ phong kiến

Câu 28. Lực lượng cách mạng để đánh đổ đế quốc và phong kiến được nêu trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là lực lượng nào?

- A. Công nhân và nông dân
- B. Công nhân, nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, trung nông**
- C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và địa chủ phong kiến
- D. Công nhân, nông dân, tư sản

Câu 29. Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là gì?

- A. Độc lập dân tộc và tự do.**
- B. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
- C. Độc lập dân tộc và dân chủ
- D. Độc lập dân tộc và mọi người sống sung sướng

Câu 30. "Chính cương vắn tắt", "sách lược vắn tắt" do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được xem là "cương lĩnh chính trị" đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam vì

- A. Xác định mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.
- B. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa công nhân – nông dân.
- C. Đáp ứng được nguyện vọng của dân tộc Việt Nam
- D. đề ra đường lối đúng đắn về vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.**

Câu 31. Căn cứ vào đâu để khẳng định cương lĩnh đầu tiên của Đảng là đúng đắn, sáng tạo?

- A. Khẳng định cách mạng Việt Nam là bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.
- B. Cương lĩnh đã thể hiện rõ tính độc lập dân tộc và tự do của dân tộc Việt Nam.**
- C. Cương lĩnh đã kêu gọi các dân tộc trên thế giới đoàn kết chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.
- D. Cương lĩnh đã vạch ra vấn đề cơ bản về đường lối của cách mạng Việt Nam

Câu 32. Vì Sao, Nguyễn Ái Quốc xác định nhiệm vụ cơ bản của Cách mạng Việt Nam là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng?

- A. Vì đó là nhiệm vụ cấp bách cần giải quyết dân tộc ta lúc bấy giờ.**
- B. Vì Bác xác định đúng mâu thuẫn giữa các giai cấp trong xã hội Việt Nam.
- C. Vì đó là nhiệm vụ duy nhất của cách mạng Việt Nam.
- D. Vì xã hội Việt Nam phân hóa sâu sắc sau cuộc khai thác lần thứ hai của Pháp.

Câu 33. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp giữa

- A. Chủ nghĩa Mác – lê nin, phong trào công nhân với tư tưởng Hồ Chí Minh
- B. Chủ nghĩa Mác – lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và phong trào yêu nước.
- C. Chủ nghĩa Mác – lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và phong trào cách mạng,
- D. Chủ nghĩa Mác – lê nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước**

Câu 34. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự chuẩn bị đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng Việt Nam vì

- A. đã chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo
- B. đáp ứng căn bản nguyện vọng độc lập dân tộc Việt Nam
- C. với đường lối đúng đắn của Đảng đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác**
- D. lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành thắng lợi trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945

Câu 35. Vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam?

- A. Kết thúc thời kỳ phát triển của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản
- B. Đưa giai cấp công nhân và nông dân lên nắm quyền lãnh đạo
- C. Chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.**
- D. Chấm dứt tình trạng chia rẽ giữa các tổ chức chính trị ở Việt Nam.

Câu 36. Đầu năm 1930, khuynh hướng vô sản thắng thế hoàn toàn khuynh hướng tư sản ở Việt Nam vì

- A. khuynh hướng vô sản giải quyết triệt để tất cả mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam.
- B. giai cấp công nhân chiếm tỉ lệ lớn nhất trong cơ cấu xã hội Việt Nam.
- C. khuynh hướng vô sản đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc.**
- D. khuynh hướng vô sản giải quyết được yêu cầu ruộng đất của giai cấp nông dân Việt Nam.

Câu 37. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam vì

- A. giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để.**
- B. giai cấp công nhân là lực lượng đông đảo.
- C. công nhân có ý thức quyền lợi giai cấp.
- D. Công nhân là lực lượng đại diện cho phương thức sản xuất mới.

Câu 38. Nội dung nào dưới đây thể hiện tính đúng đắn của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?

- A. Đánh giá đúng khả năng lãnh đạo của giai cấp công nhân.
- B. Giải phóng dân tộc liền với giải phóng giai cấp.**
- C. Tạo ra mối liên hệ gắn bó giữa công nhân và nông dân.
- D. Thể hiện rõ tinh thần quốc tế vô sản.

Câu 39. Tại sao khẳng định tác phẩm Đường cách mệnh đã trang bị lí luận cách mạng giải phóng dân cho các tầng lớp nhân dân?

- A. Tuyên truyền tư tưởng đánh đổ đế quốc, thiết lập xã hội tự do, bình đẳng, bác ái.
- B. Thể hiện quan điểm về cách mạng và đường lối giải phóng dân tộc Việt Nam.**
- C. Tuyên truyền tư tưởng giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa thực dân.
- D. Tuyên truyền giáo dục lí luận và xây dựng tổ chức cách mạng.

Câu 40. Vì sao có thể khẳng định Cương lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 là một bản cương lĩnh đúng đắn, sáng tạo?

- A. Phù hợp với thực tế lịch sử Việt Nam
- B. Phù hợp với quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin và thực tế Việt Nam
- C. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin vào hoàn cảnh Việt Nam
- D. Giải quyết đúng yêu cầu lịch sử và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin**

1.	11.	21.	31.
2.	12.	22.	32.
3.	13.	23.	33.
4.	14.	24.	34.
5.	15.	25.	35.
6.	16.	26.	36.
7.	17.	27.	37.
8.	18.	28.	38.
9.	19.	29.	39.
10.	20.	30.	40.

CHỦ ĐỀ 2. VN 1930 -1939**BÀI 14 : PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1935****I. TÓM TẮT KIẾN THỨC:****- Phong trào cách mạng 1930 – 1931:**

- * Nguyên nhân:
 - + Thực dân Pháp tăng cường khủng bố, đàn áp.
 - + Đảng cộng sản ra đời, kịp thời lãnh đạo
- * Diễn biến:
 - + Từ đầu năm 1930, với khẩu hiệu “Đả đảo đế quốc”, “đả đảo phong kiến”
 - + Tháng 9/1930, Phong trào đạt đỉnh cao với sự ra đời của Xô viết Nghệ Tĩnh.
 - + Giữa lúc cách mạng lên đỉnh cao, Đảng cộng sản tổ chức Hội nghị Ban chấp hành trung ương lâm thời (10/1930).
- * Khẩu hiệu: Chính trị + Kinh tế
- * Hình thức: Phong phú
- * Mức độ: Quyết liệt
- * Ý nghĩa-bài học:
 - + Khẳng định quyền lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân
 - + Hình thành liên minh công nông
 - + Là cuộc tập dượt đầu tiên chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám.
 - + Đây là phong trào đầu tiên dưới sự lãnh đạo của Đảng, để lại nhiều bài học về: Tập hợp lực lượng, tổ chức lãnh đạo đấu tranh; về xây dựng chính quyền, thời cơ cách mạng...

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Hậu quả lớn nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) gây ra đối với xã hội Việt Nam là

- A. làm trầm trọng thêm tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân lao động.**
- B. mâu thuẫn xã hội sâu sắc, phong trào đấu tranh của công nhân phát triển mạnh mẽ.
- C. nông dân phải chịu cảnh sưu cao, lãi nặng, giá nông phẩm thấp.
- D. nhiều công nhân bị sa thải, người có việc làm thì đồng lương ít ỏi.

Câu 2. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929 - 1933 đã tác động gì đến Việt Nam?

- A. Bùng nổ phong trào cách mạng 1930-1931.**
- B. Đời sống nhân dân Việt Nam cơ cực, đói khổ.
- C. Kinh tế Việt Nam suy sụp và phụ thuộc vào kinh tế Pháp.
- D. Pháp trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng vào Việt Nam

Câu 3. Xã hội Việt Nam trong những năm 1930 - 1931 tồn tại những mâu thuẫn cơ bản nào?

- A. Tư sản với chính quyền thực dân Pháp
- B. Nông dân với địa chủ phong kiến
- C. Dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và nông dân với địa chủ phong kiến**
- D. Công nhân với tư sản Pháp và tư sản mại bản

Câu 4. Hai khẩu hiệu mà Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930-1931 là khẩu hiệu nào?

- A. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày"**
- B. "Tự do dân chủ" và " Cơm áo hòa bình"
- C. "Tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian" và "Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến"
- D. "Chống đế quốc" và "Chống phát xít"

Câu 5. Hình thức đấu tranh của nông dân ở Nghệ An và Hà Tĩnh là gì?

- A. Mít tinh.
- B. Biểu tình có vũ trang**

C. Đưa yêu cầu cải thiện đời sống D. Khởi nghĩa vũ trang

Câu 6. Lực lượng vũ trang được thành lập trong phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh được gọi là:

A. Hồng vệ binh. B. Hồng quân. C. **Tự vệ đỏ.** D. Cận vệ đỏ

Câu 7. Điều gì chứng tỏ rằng: Từ tháng 9-1930 trở đi, phong trào cách mạng 1930-1931 dần dần đạt tới đỉnh cao?

A. Phong trào diễn ra khắp cả nước

B. Sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh

C. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để

D. Đã thực hiện liên minh công - nông vững chắc

Câu 8. Cuộc đấu tranh ở Nghệ An và Hà Tĩnh đã làm cho chính quyền thực dân ở đây như thế nào?

A. Tê liệt, tan rã ở nhiều thôn xã

B. Sụp đổ hoàn toàn từ huyện đến tỉnh

C. Vẫn đứng vững

D. Được xây dựng và củng cố mạnh hơn

Câu 9. Chính sách tiến bộ nhất về kinh tế mà chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh thực hiện là gì?

A. Xóa nợ cho người nghèo, khuyến khích sản xuất

B. Lập các tổ chức để nông dân giúp đỡ nhau sản xuất

C. Chú trọng đắp đê phòng lụt, tu sửa cầu cống, đường giao thông

D. Tịch thu ruộng đất công chia cho dân cày nghèo, bãi bỏ một số thuế vô lí

Câu 10. Tổ chức nào được thành lập trong phong trào cách mạng 1930 - 1931?

A. Hội Phản đế đồng minh

B. Mặt trận Đồng minh phản đế Đông Dương

C. Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương

D. Hội cày

Câu 11. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 10/1930 trong hoàn cảnh nào?

A. Phong trào cách mạng bắt đầu bùng nổ.

B. Phong trào cách mạng đang diễn ra quyết liệt

C. Phong trào bước đầu suy thoái

D. Phong trào đã chấm dứt, thất bại

Câu 12. Sự khác biệt giữa phong trào đấu tranh của nông dân Nghệ - Tĩnh với phong trào đấu tranh cả nước trong năm 1930 là gì?

A. Những cuộc biểu tình của nông dân chỉ đặt ra mục tiêu cải thiện đời sống

B. Nông dân đấu tranh chưa có khẩu hiệu cụ thể

C. Nông dân đấu tranh bằng lực lượng chính trị

D. Những cuộc đấu tranh của nông dân có vũ trang tự vệ

Câu 13. Vì sao năm 1930, Nghệ - Tĩnh là nơi có phong trào cách mạng phát triển mạnh nhất?

A. Là nơi bị thực dân Pháp khủng bố tàn khốc nhất

B. Là quê hương của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc

C. Là nơi có đội ngũ đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đông nhất

D. Là nơi có truyền thống đấu tranh anh hùng chống giặc ngoại xâm, là nơi có chi bộ Đảng hoạt động mạnh

Câu 14. Căn cứ vào đâu để khẳng định Xô viết Nghệ - Tĩnh là hình thức sơ khai của chính quyền công - nông ở nước ta và đó thực sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng?

- A. Thể hiện rõ bản chất cách mạng. Đó là chính quyền của dân, do dân, vì dân,...**
- B. Vì lần đầu tiên chính quyền của địch bị tan rã, chính quyền của giai cấp vô sản được thiết lập trong cả nước
- C. Lần đầu tiên chính quyền Xô viết thực hiện những chính sách thể hiện tính tự do dân chủ của một dân tộc được độc lập
- D. Chính quyền Xô viết thành lập đó là thành quả đấu tranh gian khổ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng

Câu 15. Tính chất cách mạng triệt để của phong trào cách mạng 1930-1931 được thể hiện như thế nào?

- A. Phong trào thực hiện liên minh công nông vững chắc
- B. Phong trào đấu tranh liên tục từ Bắc đến Nam
- C. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến**
- D. Phong trào diễn ra mạnh mẽ.

Câu 16. Khẩu hiệu: "Đả đảo chủ nghĩa đế quốc! Đả đảo phong kiến" của nhân dân Việt Nam trong phong trào cách mạng 1930-1931 thể hiện mục tiêu đấu tranh về

- A. xã hội.
- B. văn hóa.
- C. chính trị.**
- D. kinh tế.

Câu 17. Trong các nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931?

- A. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933
- B. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo công nhân và nông dân đứng lên chống đế quốc và phong kiến**
- D. Địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột thậm tệ đối với nông dân

Câu 18. Điểm giống nhau cơ bản giữa "Cương lĩnh chính trị" đầu tiên (đầu năm 1930) với "Luận cương chính trị" (10/1930)?

- A. Xác định đúng đắn mâu thuẫn trong xã hội Đông Dương
- B. Xác định đúng đắn giai cấp lãnh đạo
- C. Xác định đúng đắn khả năng tham gia cách mạng của các giai cấp
- D. Xác định đúng đắn nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam**

Câu 19. So với "Cương lĩnh chính trị" đầu tiên thì "Luận cương chính trị" (10/1930) có điểm hạn chế gì?

- A. mang tính chất "hữu khuynh", giáo điều
- B. nặng về đấu tranh giai cấp, coi công - nông mới là động lực cách mạng**
- C. chưa vạch ra đường lối cụ thể cho cách mạng Việt Nam
- D. chưa thấy được vị trí và vai trò của giai cấp công nhân đối với cách mạng Việt Nam

Câu 20. Nhận xét nào dưới đây là đúng với phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam?

- A. Phong trào mang tính chất tư sản.
- B. Phong trào mang tính triệt để**
- C. Phong trào mang tính không triệt để
- D. Phong trào mang tính chất phong kiến

Câu 21. Tính chất triệt để của phong trào cách mạng Việt Nam (1930 – 1931) được biểu hiện ở chỗ nào?

- A. Diễn ra trên quy mô rộng lớn chưa từng thấy
- B. Hình thức đấu tranh phong phú, quyết liệt.
- C. Lần đầu tiên có sự lãnh đạo của một chính đảng
- D. Không ảo tưởng vào kẻ thù của dân tộc và giai cấp**

Câu 22. Phong trào cách mạng Việt Nam 1930 - 1931 để lại bài học kinh nghiệm gì cho Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để giành chính quyền
- B. Kết hợp các hình thức đấu tranh bí mật, công khai và hợp pháp
- C. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền
- D. Thành lập ở mỗi nước Đông Dương một hình thức mặt trận riêng

Câu 23. Điểm khác biệt căn bản của chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh so với các hình thức chính quyền trước đó là gì?

- A. Đó là chính quyền đầu tiên giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- B. Đó là chính quyền công – nông – binh.
- C. Đó là chính quyền do nhân dân thành lập, phục vụ lợi ích cho nhân dân.
- D. Đó là chính quyền giống các Xô viết ở nước Nga.

Câu 24. Điểm nổi bật nhất của phong trào cách mạng 1930 – 1931 là

- A. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- B. Vai trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công – nông.
- C. Đảng tập dượt trong thực tiễn đấu tranh.
- D. Thành lập được đội quân chính trị đông đảo của quần chúng.

Câu 25. Xô - Viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931 vì

- A. đã làm lung lay tận gốc chế độ phong kiến trên cả nước ta
- B. đánh đổ hoàn toàn thực dân Pháp và phong kiến tay sai
- C. đây là một hình thức chính quyền kiểu mới, do dân, của dân, vì dân
- D. khẳng định quyền làm chủ ruộng đất của nông dân

1.	6.	11.	16.	21.
2.	7.	12.	17.	22.
3.	8.	13.	18.	23.
4.	9.	14.	19.	24.
5.	10.	15.	20.	25.

BÀI 15 : PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 - 1939

I. TÓM TẮT KIẾN THỨC:

1. Hoàn cảnh

- Sau khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933, chủ nghĩa phát xít xuất hiện, chuẩn bị gây chiến tranh
- Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản (7/1935) chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân chống phát xít, bảo vệ hòa bình thế giới
- Tháng 7-1936, Hội nghị ban chấp hành TW do Lê Hồng Phong chủ trì đã đề ra đường lối, phương pháp đấu tranh trong thời kì mới:

+ Nhiệm vụ chiến lược là không đổi, nhiệm vụ trước mắt: Chống chế độ phản động thuộc địa, chủ nghĩa phát xít.

2. Phong trào:

- Nhận định kẻ thù: Chế độ phản động thuộc địa, chủ nghĩa phát xít.
- Mục tiêu: Đòi tự do-dân chủ-cơm áo-hòa bình (Mục tiêu dân chủ)
- Hình thức mặt trận: *Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương* → *Mặt trận Dân chủ Đông Dương (3-1938)*
- Hình thức đấu tranh: Đấu tranh chính trị hoà bình, công khai, hợp pháp.
- Địa bàn: Chủ yếu ở thành thị

→ Phong trào 1936-1939 là cuộc tập dượt thứ 2 chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản đã xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng thế giới là

- A. chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc.
- B. chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hòa bình thế giới.**
- C. chống chủ nghĩa phát xít, giành ruộng đất cho nông dân.
- D. chống chủ nghĩa đế quốc, phát xít và phong kiến tay sai.

Câu 2. Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VII (7-1935) đã có những chủ trương gì?

- A. Thành lập Đảng Cộng sản ở mỗi nước
- B. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước**
- C. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước tư bản
- D. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước thuộc địa

Câu 3. Yếu tố nào quyết định sự bùng nổ của phong trào dân chủ 1936-1939 ở Việt Nam?

- A. Chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp (6-1936).
- B. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (7-1935).
- C. Sự xuất hiện chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh thế giới mới (những năm 30 của thế kỉ XX).
- D. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7-1936).**

Câu 4. Sự kiện lịch sử nào chi phối tình hình thế giới và trong nước những năm 1936 – 1939?

- A. Sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh đế quốc.**
- B. Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (7 – 1935).
- C. Chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở nước Pháp (1936).
- D. Nhật Bản mở rộng xâm lược ra khu vực Đông Nam Á.

Câu 5. Lý do chuyển hướng chủ trương cách mạng của Đảng ta trong những năm 1936-1939 là?

- A. Sự chỉ đạo của Quốc Tế Cộng Sản
- B. Tình hình thế giới và trong nước có nhiều thay đổi.**
- C. Mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam ngày càng gay gắt.
- D. Chính phủ của Mặt trận nhân dân Pháp đã lên cầm quyền ở Pháp.

Câu 6. Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra đường lối đấu tranh trong giai đoạn 1936 – 1939 dựa trên cơ sở nào?

- A. Nghị quyết của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản tháng 7 – 1935.**
- B. Tình hình thế giới và trong nước có sự thay đổi.
- C. Tình hình thực tiễn của Việt Nam.
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương ngày càng mạnh lên.

Câu 7. Đảng cộng sản Đông Dương xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là?

- A. Đánh đổ Đế quốc Pháp.
- B. Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai.**
- C. Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày nghèo.
- D. Tập trung mũi nhọn đấu tranh chống kẻ thù chính là phát xít Nhật.

Câu 8. Kẻ thù cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương được xác định trong thời kì 1936 - 1939 ?

A. Thực dân Pháp nói chung.

B. Địa chủ phong kiến

C. Bọn phản động thuộc địa và tay sai

D. Các quan lại của triều đình Huế

Câu 9. Năm 1936, Đảng đã đề ra chủ trương thành lập mặt trận với tên gọi?

A. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

C. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 10. Đến tháng 3/1938, Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương được đổi tên thành ?

A. Mặt trận dân tộc phản đế đồng minh.

B. Hội phản đế đồng minh.

C. Mặt trận Việt Minh.

D. Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương.

Câu 11. Điều kiện thuận lợi cho nhân dân ta đấu tranh trong những năm 1936 – 1939 là

A. chính phủ Pháp đề ra chủ trương chống chủ nghĩa phát xít.

B. chính phủ Pháp ban hành một số chính sách tự do dân chủ.

C. chính phủ Pháp cho cải tổ chính sách cai trị ở các nước thuộc địa.

D. chính phủ Pháp cho xây dựng đường sá.

Câu 12. Lực lượng tham gia đấu tranh trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939?

A. Các lực lượng yêu nước, dân chủ tiến bộ, không phân biệt thành phần giai cấp.

B. Tư sản, tiểu tư sản, nông dân.

C. Công nhân, nông dân.

D. Liên minh tư sản và địa chủ.

Câu 13. Hãy xác định hình thức và phương pháp đấu tranh trong thời kì 1936-1939?

A. Bí mật, bất hợp pháp.

B. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

C. Đấu tranh nghị trường là chủ yếu.

D. Hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai.

Câu 14. Phong trào dân chủ 1936 – 1939 ở Việt Nam có điểm gì mới so với phong trào dân tộc dân chủ 1930 – 1931?

A. Giai cấp công nhân và nông dân đoàn kết đấu tranh mạnh mẽ.

B. Là cuộc diễn tập chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

C. Kết hợp hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp với bí mật bất hợp pháp

D. Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra chủ trương cụ thể cho hoàn cảnh mới.

Câu 15. Nét nổi bật của phong trào dân chủ 1936 – 1939 là

A. Đảng đã tập hợp được lực lượng đông đảo, sử dụng phương pháp đấu tranh phong phú.

B. Chủ trương, đường lối của Đảng được phổ biến rộng rãi.

C. Hình thành liên minh công nông hùng mạnh.

D. Uy tín của Đảng được nâng cao, cán bộ được rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh.

Câu 16. Khẩu hiệu đấu tranh của thời kì cách mạng 1936 – 1939 là gì?

A. "Đánh đổ đế quốc Pháp – Đông Dương hoàn toàn độc lập".

B. "Chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo hòa bình".

C. "Độc lập dân tộc", "Người cày có ruộng".

D. "Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày".

Câu 17. Kết quả nổi bật của phong trào dân chủ 1936 – 1939 là gì?

A. Đảng Cộng sản Đông Dương được tôi luyện, trưởng thành, quần chúng được tập dượt.

- B. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ, thực hiện một số quyền dân sinh, dân chủ.
- C. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới nhiều hình thức.
- D. Thành lập được mặt trận dân tộc thống nhất.

Câu 18. Qua phong trào dân chủ 1936 – 1936, Đảng Cộng sản Đông Dương đã tích lũy được những bài học kinh nghiệm

- A. về vận động quần chúng đấu tranh chính trị.
- B. về xây dựng lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang.
- C. về công tác mặt trận và vấn đề dân tộc
- D. xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, kinh nghiệm tổ chức lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp.

Câu 19. Một trong những ý nghĩa của phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Việt Nam là

- A. buộc thực dân Pháp nhượng bộ tất cả các yêu sách dân chủ.
- B. giúp cán bộ, đảng viên được rèn luyện và trưởng thành.
- C. bước đầu khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.
- D. bước đầu hình thành trên thực tế liên minh công nông.

Câu 20. Phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Việt Nam là một bước chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 vì đã

- A. đưa Đảng Cộng sản Đông Dương ra hoạt động công khai
- B. khắc phục triệt để hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10 - 1930
- C. bước đầu xây dựng được lực lượng vũ trang nhân dân
- D. xây dựng được một lực lượng chính trị quần chúng đông đảo

1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.	9.	10.
11.	12.	13.	14.	15.	16.	17.	18.	19.	20.

Phụ lục:

Nội dung	Phong trào cách mạng 1930 – 1931	Cao trào dân chủ 1936 – 1939
Nhận định kẻ thù	Đế quốc và phong kiến	Thực dân Pháp phản động và tay sai.
Mục tiêu đấu tranh	Đòi "Độc lập dân tộc" và "Người cày có ruộng"	Đòi "Tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình".
Tập hợp lực lượng	Liên minh công - nông. (Các hội phản đế)	Mặt trận Dân chủ Đông Dương, tập hợp mọi lực lượng dân chủ, yêu nước và tiến bộ.
Lực lượng tham gia	Chủ yếu công nhân - nông dân.	Các giai cấp, các tầng lớp (công nhân, nông dân, trí thức, dân nghèo thành thị), các giới, các lứa tuổi, các đoàn thể, các hội...

Phương pháp và hình thức đấu tranh	<ul style="list-style-type: none"> - Chính trị: Bão công, biểu tình. - Bạo động vũ trang: Đánh phá huyện lỵ, đồn điền, nhà ga, trại giam,... 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính trị, công khai: + Thu thập nguyện vọng của nhân dân... + Xuất bản sách báo... - Nửa hợp pháp.
Địa bàn	Nông thôn và các trung tâm công nghiệp.	Chủ yếu ở thành thị.

CHỦ ĐỀ 3. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939-1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI (BÀI 16)

I. TÓM TẮT KIẾN THỨC:

A. PHONG TRÀO GPDT

1. Những sự kiện chính trị nổi bật từ 1939 -1945.

- Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ
- Tháng 9/1940: Phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, cùng nhau áp bức, bóc lột nhân dân Đông Dương.
- Ngày 9/3/1945: Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương
- Ngày 15/8/1945. Nhật đầu hàng Đồng minh, thời cơ giành chính quyền đã đến.

2. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11/1939 – mở đầu chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng

- Đứng trước tình hình mới, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp Hội nghị lần thứ 6 (8/11/1939) họp tại Bà Điểm (Hóc Môn – Gia Định) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì .
- Xác định kẻ thù trước mắt là đế quốc và tay sai.
- **Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.**
- Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thay khẩu hiệu "Chính quyền công nông" bằng khẩu hiệu "Chính phủ Dân chủ Cộng hòa"
- Chủ trương thành lập **Mặt trận dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương**

2. Hội nghị TW VIII – Hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng

(Từ ngày 10 – 19/5/1941 tại Pắc Bó (Hà Quảng- Cao Bằng).

- Xác định nhiệm vụ, mục tiêu hàng đầu của CM là: Giải phóng dân tộc,
- Chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất cho mỗi nước ĐD (Ở VN theo sáng kiến của NAQ thành lập **"Việt nam Độc lập Đồng minh hội"** (Mặt trận Việt Minh) ngày 19-5-1941)
- Xác định hình thái khởi nghĩa: K/n từng phần lên Tổng K/n.
- Đề ra nhiệm vụ trọng tâm: Tích cực chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

3. Thời cơ - tác dụng khởi nghĩa từng phần:

- Thời cơ: Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương (9/3/1945)
- Ngày 12/3/1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng họp, ra chỉ thị "*Nhật -Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*": phát động cao trào kháng nhật cứu nước
- Tác dụng: tập dượt trực tiếp cho Tổng khởi nghĩa.

4. Tổng khởi nghĩa tháng Tám:

- Thời cơ: Phát xít Nhật đầu hàng đồng minh → thời cơ ngàn năm có một đã đến. Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh phát động Tổng khởi nghĩa.

*Chủ trương của Đảng Cộng sản và Tổng bộ Việt Minh

- ***Ngày 13/8/1945***, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. 23 giờ cùng ngày, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ban bố **Quân lệnh số 1**, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- ***Từ ngày 14 đến 15/8/1945***, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa.
- ***Từ ngày 16 đến ngày 17/8/1945***, Đại hội quốc dân ở Tân Trào tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt minh, cử ra Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam do Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

*** Diễn biến (SGK)**

- Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Một cuộc đấu tranh bạo lực thực sự

B. TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA**(2/9/1945)**

- Ngày 25/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam từ Tân Trào về đến Hà Nội.

- Ngày 28/8/1945, **Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam** cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa.

- Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc “*Tuyên ngôn độc lập*”, trình trọng tuyên bố với toàn thể quốc dân và cả thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập.

- Nội dung của Tuyên ngôn Độc lập.

+ Khẳng định “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập*”

+ Tố cáo tội ác của thực dân Pháp và phát xít Nhật.

+ Khẳng định ý chí sắt đá của nhân dân Việt nam quyết giữ nền độc lập tự do vừa giành được: *Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy*”.

C. NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945**1. Nguyên nhân thắng lợi****a, Nguyên nhân khách quan:**

Chiến thắng của quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít tạo cơ hội thuận lợi cho nhân dân Việt Nam đứng lên Tổng khởi nghĩa.

b, Nguyên nhân chủ quan:

- Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam.
- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo, rút kinh nghiệm qua đấu tranh.
- Trong những ngày khởi nghĩa toàn đảng toàn dân quyết tâm cao. Các cấp chi bộ Đảng chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo, chớp đúng thời cơ phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền.

2. Ý nghĩa lịch sử**a, Đối với trong nước:**

- Mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc: phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp hơn 80 năm và Nhật gần 5 năm, chấm dứt chế độ phong kiến, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
- Mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do, kỉ nguyên nhân dân nắm chính quyền, làm chủ đất nước.
- Đưa nhân dân Việt Nam từ địa vị nô lệ, bước lên địa vị người làm chủ đất nước, Đảng Cộng sản Đông Dương từ chỗ phải hoạt động bí mật, bất hợp pháp, trở thành một Đảng cầm quyền và hoạt động công khai.

b, Đối với thế giới:

- Góp phần vào thắng lợi của cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít; chọc thủng hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.
- Cổ vũ các dân tộc thuộc địa trong cuộc đấu tranh tự giải phóng; có ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng Lào và Campuchia.

3. Bài học kinh nghiệm...**II. HỆ THỐNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:**

Câu 1. Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng Cộng sản Đông Dương đã

- A. rút vào bí mật, chuẩn bị cho một cao trào mới.**
- B. đòi Pháp phải trả ngay lập tức độc lập cho Việt Nam.
- C. liên minh với Nhật để chống Pháp.
- D. phát động quần chúng tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 2. Nét nổi bật của tình hình Việt Nam từ sau tháng 9/1940 là gì?

- A. Việt Nam là thuộc địa của Pháp.
- B. Việt Nam bị đặt dưới ách thống trị của Nhật - Pháp.**
- C. Pháp đã bị Nhật hất cẳng để độc chiếm Việt Nam.
- D. Nhật đã ép Pháp kí nhiều điều ước chấp nhận Nhật có những đặc quyền ở Việt Nam.

Câu 3. Sự áp bức, bóc lột dã man của Nhật - Pháp đã dẫn đến hậu quả gì?

- A. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với phát xít Nhật sâu sắc
- B. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp - Nhật sâu sắc
- C. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật - Pháp sâu sắc**
- D. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật sâu sắc.

Câu 4. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (11-1939) đã xác định về nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương lúc này như thế nào?

- A. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu
- B. Chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh
- C. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách**
- D. Đấu tranh đòi quyền tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình

Câu 5. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tháng 11/1939 đã khẳng định vấn đề gì?

- A. Cách mạng Việt Nam phải chuyển sang thời kì đấu tranh vũ trang chống đế quốc.
- B. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam phải tập trung chống phong kiến, giải quyết vấn đề ruộng đất cho dân cày.
- C. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng là phải tập trung chống đế quốc, thực hiện ruộng đất cho dân cày.
- D. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng là phải đấu tranh lật đổ đế quốc và tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.**

Câu 6. Vì sao Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939) quyết định đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu?

- A. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc và tay sai phát triển gay gắt.**
- B. Nước Pháp bị Đức chiếm đóng làm cho quân Pháp ở Đông Dương suy yếu.
- C. Quân phiệt Nhật hoàn thành xâm lược và thống trị nhân dân Đông Dương.
- D. Nhân dân Việt Nam phải chịu hai tầng áp bức, bóc lột của Pháp và Nhật.

Câu 7. Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Đông Dương tháng 11/1939 đã chủ trương thành lập

- A. Mặt trận dân chủ Đông Dương.
- B. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.**
- C. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.
- D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 8. Khi về Việt Nam (đầu năm 1941), Nguyễn Ái Quốc chọn nơi nào để xây dựng căn cứ địa cách mạng?

- A. Cao Bằng.**
- B. Tuyên Quang.
- C. Lạng Sơn.
- D. Bắc cạn

Câu 9. Tại Hội nghị TW Đảng lần thứ 8 (5 - 1941), Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã thành lập mặt trận nào?

- A. Mặt trận Liên Việt
- B. Mặt trận Đồng Minh
- C. Việt Nam Độc lập Đồng minh**
- D. Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương

Câu 10. Vì sao Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc
- B. Hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Trung ương tháng 11/1939.**
- C. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân
- D. Củng cố được khối đoàn kết nhân dân

Câu 11. Điểm mới căn bản giữa Hội nghị tháng 5/1941 so với Hội nghị tháng 11/1939 của BCH Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương là:

- A. thành lập mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi chống đế quốc
- B. đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chống đế quốc và phong kiến
- C. giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương**
- D. tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thực hiện giảm tô, giảm tức

Câu 12. Hội nghị tháng 11 - 1939 và Hội nghị tháng 5 - 1941 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương có điểm khác biệt về

- A. việc giải quyết quyền lợi ruộng đất cho nông dân
- B. việc xác định hình thức chính quyền cách mạng
- C. chủ trương đoàn kết các lực lượng dân tộc.
- D. chủ trương giải quyết vấn đề quyền dân tộc tự quyết**

Câu 13. Hội nghị nào đã xác định hình thái khởi nghĩa của cách mạng tháng Tám là đi từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa?

- A. Hội nghị BCH trung ương Đảng tháng 11/1939.
- B. Hội nghị BCH trung ương Đảng tháng 05/1941.**
- C. Hội nghị quân sự Bắc kì tháng 04/1945.
- D. Hội nghị BCH trung ương Đảng tháng 08/1945.

Câu 14. Nguyên nhân trực tiếp của sự kiện Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945) là gì?

- A. Nhật tiến hành theo kế hoạch chung của phe phát xít
- B. Mâu thuẫn Pháp - Nhật ngày càng gay gắt**
- C. Thất bại gần kề của Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai
- D. Phong trào cách mạng của nhân dân Việt Nam gây cho Nhật nhiều khó khăn

Câu 15. Sau khi Nhật đảo chính Pháp, kẻ thù chính cụ thể trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương lúc này là lực lượng nào?

- A. Thực dân Pháp
- B. Phát xít Nhật**

C. Phát xít Nhật – Pháp

D. Phát xít Nhật và đồng minh của Nhật

Câu 16. Ngay trong đêm 9-3-1945, khi Nhật đảo chính Pháp, Ban thường vụ Trung ương Đảng họp và nhận định tình hình như thế nào?

A. Cuộc đảo chính Nhật - Pháp gây ra một cuộc khủng hoảng chính trị đối với Nhật, làm cho tình thế cách mạng xuất hiện

B. " Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"

C. Pháp sẽ ra sức chống lại Nhật

D. Pháp và Nhật sẽ cấu kết với nhau, chống lại nhân dân ta

Câu 17. Tình hình Việt Nam từ sau tháng 3/1945 có chuyển biến quan trọng gì ?

A. Pháp thiết lập trở lại nền thống trị trên toàn Việt Nam.

B. Vai trò thống trị của Pháp ở Việt Nam hoàn toàn bị thủ tiêu.

C. Cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì đấu tranh mới : chống chiến tranh đế quốc.

D. Nhân dân Việt Nam chịu cảnh áp bức thống trị tàn bạo của phát xít Pháp - Nhật.

Câu 18. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (3 - 1945) đã phát động

A. cao trào sửa soạn khởi nghĩa

B. cao trào "Sấm vũ khí đuổi thù chung"

C. cao trào "Kháng Nhật cứu nước"

D. tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Câu 19. Thời cơ của khởi nghĩa từng phần năm 1945 là

A. Phát xít Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương

B. Quân Nhật nhảy vào Đông Dương

C. Nhật đầu hàng Đồng minh

D. Quân Nhật rút khỏi Đông Dương

Câu 20. Trong giai đoạn khởi nghĩa từng phần ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, Đảng đề ra khẩu hiệu gì ?

A. Sấm vũ khí, đuổi thù chung

B. Sửa soạn khởi nghĩa

C. Phá kho thóc, giải quyết nạn đói

D. Tịch thu ruộng đất của bọn phản động

Câu 21. Khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật - Pháp" được thay thế bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật" được nêu ra trong

A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (9-3-1945)

B. Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"

C. Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ 13-15-8-1945)

D. Đại hội quốc dân Tân Trào

Câu 22. Tháng 8/1945 điều kiện khách quan bên ngoài nào rất thuận lợi, tạo thời cơ cho nhân dân ta vùng lên giành lại độc lập?

A. Sự thất bại của phe phát xít ở chiến trường Châu Âu

B. Sự đầu hàng của phát xít Italia và phát xít Đức

C. Sự tan rã của phát xít Đức và sự đầu hàng vô điều kiện của phát xít Nhật

D. Sự thắng lợi của phe Đồng minh

Câu 23. Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc khi

A. Đảng ta nhận được những thông tin về việc phát xít Nhật sắp đầu hàng.

B. Phát xít Nhật chính thức đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

C. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang.

D. Hội đồng tối cao chiến tranh và nội các Nhật bỏ phiếu thông qua quyết định đầu hàng.

Câu 24. Thời cơ của Tổng khởi nghĩa Tháng 8 năm 1945 là sự kết hợp của

A. Nhật đảo chính và Pháp bỏ chạy

B. Sự chuẩn bị chu đáo của ta và Nhật đầu hàng Đồng minh

C. Sự chuẩn bị chu đáo của ta và quân Đồng minh kéo vào nước ta

- D.** Liên Xô tấn công sang Châu Á và Mỹ ném 2 quả bom nguyên tử xuống nước Nhật Bản
- Câu 25.** Ngày 13-8-1945, ngay khi nhận được những thông tin về việc Nhật Bản sắp đầu hàng Đồng minh, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh lập tức thành lập cơ quan nào?
- A.** Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. **B.** Ủy ban lâm thời Khu giải phóng.
C. Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ. **D.** Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.
- Câu 26.** Quyết định Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi Đồng minh vào Việt Nam. Đó là nội dung thể hiện trong Nghị Quyết nào của Đảng?
- A.** Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8
B. Nghị quyết của Đảng tại Hội nghị toàn quốc (13 đến 15-8-1945)
C. Nghị quyết của Đại hội quốc dân Tân Trào
D. Nghị quyết của Ban thường vụ Trung ương Đảng họp ngay trong đêm 9-3-1945
- Câu 27.** Hội nghị toàn quốc của Đảng họp từ ngày 13 đến 15-8-1945 đã quyết định vấn đề gì?
- A.** Khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước
B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước
C. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn
D. Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh tiến vào
- Câu 28.** Vì sao từ ngày 14/8/1945, một số địa phương trong nước đã khởi nghĩa giành chính quyền?
- A.** Do các tỉnh được chọn thí điểm khởi nghĩa giành chính quyền.
B. Do các tỉnh này chuẩn bị chu đáo cho Tổng khởi nghĩa.
C. Do cấp bộ Đảng và mặt trận Việt Minh đã nhạy bén, chủ động vận dụng đúng tinh thần chỉ thị của Trung ương.
D. Do lệnh tổng khởi nghĩa về đây sớm.
- Câu 29.** Ý nghĩa quan trọng nhất của Cách mạng tháng Tám (1945) là
- A.** lật đổ ngai vàng phong kiến đã ngự trị hàng chục thế kỉ trên đất nước ta
B. chấm dứt sự thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật đối với nước ta
C. người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước
D. đem lại độc lập, tự do cho dân tộc và góp phần cổ vũ phong trào cách mạng thế giới
- Câu 30.** Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là
- A.** truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân ta
B. sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Đông Dương
C. liên minh công - nông vững chắc
D. phát xít Nhật bị Hồng quân Liên Xô và phe Đồng minh đánh bại, kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương đã gục ngã

1.	11.	21.
2.	12.	22.
3.	13.	23.
4.	14.	24.
5.	15.	25.
6.	16.	26.
7.	17.	27.
8.	18.	28.
9.	19.	29.
10.	20.	30.

- Câu 31.** Trong quãng thời gian nào là thời cơ để cách mạng Việt Nam giành chính quyền?
A. Nhật tuyên bố đầu hàng đến lúc quân Đồng minh hoàn thành nhiệm vụ quân quản.
B. Nhật kí văn kiện đầu hàng phe Đồng minh đến khi quân Đồng minh vào Việt Nam.
C. Nhật tuyên bố đầu hàng phe Đồng minh đến trước khi quân đội Đồng minh vào Việt Nam.
D. Từ khi Nhật kí văn kiện đầu hàng phe Đồng minh đến khi quân Nhật rút về nước
- Câu 32.** Lực lượng vũ trang có vai trò như thế nào trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?
A. Nòng cốt, quyết định thắng lợi. **B.** Quan trọng nhất đưa đến thắng lợi.
C. Xung kích, hỗ trợ lực lượng chính trị. **D.** Đông đảo, quyết định thắng lợi.
- Câu 33.** Với chủ trương giương cao ngọn cờ dân tộc, tạm gác việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng ruộng đất trong giai đoạn 1939 - 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã
A. đáp ứng đúng nguyện vọng số một của nông dân Việt Nam.
B. thực hiện đúng chủ trương của Luận cương chính trị tháng 10 - 1930.
C. tập trung giải quyết những mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam.
D. bắt đầu nhận ra khả năng chống đế quốc của trung và tiểu địa chủ.
- Câu 34.** Thời cơ "ngàn năm có một" để nhân dân Việt Nam tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 kết thúc khi
A. Quân Đồng Minh vào Đông Dương giải giáp quân đội Nhật
B. Thực dân Pháp bắt đầu nổ súng xâm lược trở lại Việt Nam.
C. Nhật cùng thực dân Anh chống phá chính quyền cách mạng.
D. Nhật giao Đông Dương cho quân Trung Hoa Dân quốc.
- Câu 35.** Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một cuộc cách mạng
A. không mang tính bạo lực **B.** có tính dân chủ điển hình
C. không mang tính cải lương **D.** chỉ mang tính chất dân tộc
- Câu 36.** Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công là kết quả thực hiện chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương giai đoạn 1939 - 1945 về tiến hành cuộc cách mạng
A. tư sản dân quyền **B.** dân chủ nhân dân **C. giải phóng dân tộc.** **D.** dân chủ tư sản
- Câu 37.** Tính chất của cách mạng tháng Tám là gì?
A. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới **B. Cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân**
C. Cách mạng vô sản **D.** Cách mạng cung đình
- Câu 38.** Thắng lợi nào đã đưa đến nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước
A. Đảng Cộng sản chủ nghĩa ra đời năm 1930. **B.** Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.
C. Cách mạng tháng Tám thành công năm 1945. **D.** Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975.
- Câu 39.** Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Cách mạng tháng Tám 1945 là gì?
A. Đấu tranh vũ trang. **B. Đấu tranh bạo lực cách mạng.**
C. Đấu tranh chính trị. **D.** Đấu tranh ngoại giao.
- Câu 40.** Ngày 30 - 8 - 1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị là sự kiện đánh dấu
A. nhiệm vụ dân tộc của cách mạng hoàn thành. **B.** nhiệm vụ cách mạng dân chủ hoàn thành.
C. chế độ phong kiến Việt Nam sụp đổ. **D.** Tổng khởi nghĩa thắng lợi trên cả nước.
- Câu 41.** Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập năm 1945 là nhà nước của
A. công, nông, binh. **B. toàn thể nhân dân** **C.** công - nông **D.** công, nông và trí thức
- Câu 42.** Nghị quyết hội nghị BCH trung ương Đảng tháng 11/1939 có ý nghĩa
A. mở đầu chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng – đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
B. nhấn mạnh việc đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
C. bổ sung làm rõ việc đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
D. hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng – đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Câu 43. Điểm giống nhau của Hội nghị BCH Trung ương Đảng VIII (05/1945) và Hội nghị BCH Trung ương Đảng (11/1939) là

- A.** đặt nhiệm vụ dân chủ lên hàng đầu. **B. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.**
C. đặt nhiệm vụ ruộng đất lên hàng đầu **D.** đặt nhiệm vụ chống phát xít lên hàng đầu.

Câu 44. Điểm kế thừa và phát triển của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương(5/1941) so với các Hội nghị trước đó(11/1939; 11/1940) là gì?

- A.** Đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chống đế quốc và phong kiến tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập và chủ trương thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
B. Xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và phong kiến tay sai, làm cho các dân tộc Đông Dương hoàn toàn độc lập và chủ trương thành lập Mặt trận Phản đế Đông Dương.
C. Đề ra chủ trương đánh đổ đế quốc Pháp – Nhật, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập và chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc Phản đế Đông Dương.
D. Khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc, giải quyết vấn đề này ở từng nước Đông Dương và chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh.

Câu 45. Điểm mới của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương tháng 5 - 1941 so với Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương là chủ trương

- A. thành lập chính quyền nhà nước của toàn dân tộc.**
B. thành lập ở mỗi nước Đông Dương một đảng riêng.
C. hoàn thành triệt để nhiệm vụ cách mạng ruộng đất.
D. thành lập hình thức chính quyền công nông binh.

Câu 46. Vì sao Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII(5/1941) có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

- A.** Chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
B. Hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Trung ương lần thứ 6.
C. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
D. Cũng cố được khối đoàn kết nhân dân.

Câu 47. Khu Giải phóng Việt Bắc được ví như

- A.** căn cứ địa của cách mạng cả nước. **B.** thủ đô kháng chiến.
C. trung tâm đầu não kháng chiến. **D. hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam độc lập.**

Câu 48. Trung đội Cứu quốc quân được thành lập dựa trên cơ sở ban đầu là lực lượng nào ?

- A.** Lực lượng vũ trang của khởi nghĩa Nam Kỳ.
B. Lực lượng vũ trang của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn.
C. Lực lượng vũ trang của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ.
D. Lực lượng vũ trang của cuộc khởi nghĩa Đô Lương

Câu 49. Căn cứ địa cách mạng đầu tiên được xây dựng ở đâu ?

- A. Bắc Sơn - Võ Nhai.** **B.** Pắc Bó. **C.** Tân Trào. **D.** Thái Nguyên.

Câu 50. Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa cách mạng, vì đây là nơi có

- A.** lực lượng vũ trang phát triển lớn mạnh. **B. địa hình thuận lợi để phát triển lực lượng.**
C. nhiều căn cứ du kích đã được xây dựng. **D.** các tổ chức cứu quốc đã được thành lập.

Câu 51. Căn cứ địa cách mạng là nơi cần có những điều kiện thuận lợi, trong đó "nhân hòa" là yếu tố quan trọng nhất. Đây là yếu tố "nhân hòa" để Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi xây dựng căn cứ địa vào năm 1941?

- A.** Mọi người đều tham gia Việt Minh. **B.** Có lực lượng du kích phát triển sớm.
C. Sớm hình thành các Hội Cứu quốc. **D. Có phong trào quần chúng tốt từ trước.**

Câu 52. Trong quá trình chuẩn bị lực lượng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền (1941 - 1945), những nhiệm vụ cấp bách của Đảng Cộng sản Đông Dương là vận động quần chúng tham gia

- A.** các Ủy ban hành động. **B. Mặt trận Việt Minh.**
C. các Hội Phản đế. **D.** Hội Liên Việt.

Câu 53. Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được cải tổ từ tổ chức nào ?

- A. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. B. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.
C. Tổng bộ Việt Minh. D. Ủy ban lâm thời khu giải phóng Việt Bắc.

Câu 54. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 5 - 1941) chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương nhằm

- A. thực hiện quyền tự quyết của các dân tộc. B. giải quyết triệt để vấn đề dân tộc dân chủ.
C. chống âm mưu lập Liên bang Đ. Dương của Pháp. D. kết hợp giải quyết vấn đề dân chủ mỗi nước.

Câu 55. Ý nghĩa của Quốc dân đại hội ngày 16 - 17/8/1945?

- A. Khẳng định tinh thần thống nhất, quyết tâm giành cho được độc lập dân tộc của toàn Đảng ta.
B. Khẳng định tinh thần nhất trí, quyết tâm cao độ của toàn thể quốc dân cả nước ủng hộ Mặt trận Việt Minh tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
C. Khẳng định đây là thời cơ ngàn năm có một để dân tộc ta giành lại độc lập.
D. Khẳng định sự ra đời của một chính quyền cách mạng: Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Câu 56. Mối quan hệ giữa hai khẩu hiệu: "Độc lập dân tộc và "Ruộng đất cho dân cày được giải quyết như thế nào trong thời kì 1939 - 1945?

- A. Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng ruộng đất.
B. Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng giải phóng dân tộc.
C. Tiếp tục thực hiện hai khẩu hiệu trên một cách đồng bộ.
D. Tạm gác lại việc thực hiện hai khẩu hiệu trên.

Câu 57. Việt Nam giải phóng quân ra đời, đó là sự hợp nhất của của các tổ chức nào?

- A. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.
B. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với Cứu Quốc quân
C. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với du kích Ba Tơ.
D. Cứu quốc quân với du kích Thái Nguyên.

Câu 58. Phát xít Nhật đầu hàng thì quân Nhật ở Đông Dương cũng bị tế liệt, chính phủ tay sai thân Nhật - Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Đây là thời cơ ngàn năm có một cho nhân dân ta giành độc lập. Đó là hoàn cảnh vô cùng thuận lợi cho:

- A. Hưởng ứng chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".
B. Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói.
C. Cao trào kháng nhật cứu nước.
D. Đảng ta kịp thời phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Câu 59. "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến, toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta...". Đó là lời kêu gọi của:

- A. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (15 - 8 - 1945).
B. Quân lệnh số 1 kêu gọi toàn quốc nổi dậy khởi nghĩa.
C. Đại hội quốc dân ở Tân Trào (16 - 8 - 1945).
D. Thư Hồ Chí Minh gửi đồng bào cả nước kêu gọi nổi dậy tổng nghĩa giành chính quyền.

Câu 60. Điểm khác biệt cơ bản về chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Việt Minh so với Mặt trận thống nhất dân tộc Phản đế Đông Dương là

- A. Thực hiện đoàn kết các lực lượng dân tộc
B. Thực hiện nhiệm vụ chống đế quốc giành độc lập dân tộc
C. Chỉ thực hiện nhiệm vụ đoàn kết lực lượng công- nông ở Việt Nam
D. Thực hiện thêm chức năng chính quyền

Câu 61. Yếu tố nào dưới đây có tác động giúp cho cách mạng tháng Tám năm 1945 nổ ra và giành được thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu?

- A. Do Đảng ra có sự chuẩn bị lâu dài và chớp đúng thời cơ. B. Do thời cơ chủ quan thuận lợi.
C. Do nhân dân ta nổi dậy khởi nghĩa đồng loạt D. Do thời cơ khách quan thuận lợi.

- Câu 62.** Đặc điểm nổi bật về hình thức, phương pháp giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là
- A. Đấu tranh chính trị công khai, hợp pháp
 B. Đấu tranh chính trị hòa bình
 C. **Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.**
 D. Đấu tranh vũ trang
- Câu 63.** Quá trình phát triển của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có đặc điểm gì nổi bật?
- A. Đồng loạt khởi nghĩa trên địa bàn cả nước
 B. **Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa**
 C. Nổ ra đồng thời ở cả nông thôn và thành thị.
 D. Nổ ra ở nông thôn, rừng núi rồi phát triển về đồng bằng, đô thị
- Câu 64.** Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam diễn ra theo hình thái nào?
- A. Nổ ra ở thành thị rồi lan về nông thôn
 B. Nổ ra ở nông thôn rồi tiến về thành thị
 C. Nổ ra và thành thắng lợi ở thành thị
 D. **Kết hợp hài hòa giữa nông thôn và thành thị**
- Câu 65.** Ngày 2-9-1945, ở Việt Nam đã diễn ra sự kiện lịch sử trọng đại gì?
- A. Cách mạng tháng Tám thành công trên cả nước
 B. **Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập.**
 C. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị
 D. Quân Pháp chính thức trở lại xâm lược VN.
- Câu 66.** “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập” là nội dung của văn bản nào?
- A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
 B. Kháng chiến nhất định thắng lợi.
 C. **Tuyên ngôn độc lập.**
 D. Đường Kách mệnh.
- Câu 67.** Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đối với Việt Nam?
- A. lật đổ nền thống trị của thực dân, phong kiến, đem lại độc lập tự do cho dân tộc
 B. Mở ra một kỉ nguyên mới: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội
 C. **Buộc Pháp công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam**
 D. Góp phần vào chiến thắng của quân Đồng minh trong cuộc chiến chống phát xít
- Câu 68.** Ý nghĩa quan trọng nhất của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là
- A. Lật đổ chế độ phong kiến tồn tại hàng chục thế kỉ ở Việt Nam
 B. Chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc
 C. Người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ
 D. **Đem lại độc lập tự do cho dân tộc Việt Nam**
- Câu 69.** Nguyên nhân khách quan nào đưa tới thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?
- A. Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất
 B. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng cộng sản Đông Dương
 C. Sự chuẩn bị chu đáo trong suốt 15 năm của Đảng cộng sản Đông Dương và nhân dân
 D. **Thắng lợi của quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít**
- Câu 70.** Phong trào cách mạng Việt Nam 1930 - 1931 để lại bài học kinh nghiệm gì cho Cách mạng tháng Tám năm 1945?
- A. Kết hợp các hình thức đấu tranh bí mật, công khai và hợp pháp.
 B. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
 C. Thành lập ở mỗi nước Đông Dương một hình thức mặt trận riêng.
 D. **Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để giành chính quyền.**

31.	36.	41.	46.	51.	56.	61.	66.
32.	37.	42.	47.	52.	57.	62.	67.
33.	38.	43.	48.	53.	58.	63.	68.
34.	39.	44.	49.	54.	59.	64.	69.
35.	40.	45.	50.	55.	60.	65.	70.

VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN 1954**TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI THU ĐÔNG 1950.****I. CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM:**

1. Tình hình nước ta sau cách mạng tháng tám 1945.
2. Xây dựng chính quyền, giải quyết nạn đói, dốt, khó khăn tài chính
3. Đấu tranh chống ngoại xâm, nội phản bảo vệ chính quyền cách mạng
4. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ- đường lối kháng chiến của Đảng
5. Cuộc kháng chiến bắc vĩ tuyến 16 và chuẩn bị kháng chiến toàn diện
6. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.
7. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Quân đội Đồng minh các nước vào nước ta sau năm 1945 là

- A. quân Anh, quân Mỹ
 B. quân Pháp, quân Anh
 C. Quân Anh, quân Trung Hoa Dân quốc
 D. quân Pháp, quân Trung Hoa Dân quốc

Câu 2. Tình hình tài chính nước ta sau thắng lợi của cách mạng tháng Tám như thế nào?

- A. Tài chính bước đầu được xây dựng.
 B. Ngân sách Nhà nước trống rỗng.
 C. Tài chính phát triển.
 D. Tài chính lệ thuộc vào Nhật – Pháp.

Câu 3. Tàn dư văn hóa do chế độ thực dân phong kiến để lại sau Cách mạng tháng Tám là

- A. Văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.
 B. Văn hóa hiện đại theo kiểu phương Tây.
 C. Văn hóa mang nặng tư tưởng phát xít.
 D. hơn 90% dân số không biết chữ.

Câu 4. Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cách mạng nước ta sau cách mạng tháng Tám là

- A. Giải quyết vấn đề tài chính.
 B. Giải quyết nạn đói, dốt.
 C. Giải quyết nạn đói, dốt và khó khăn tài chính.
 D. Giải quyết nạn ngoại xâm và nội phản.

Câu 5. Ngày 8 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ để thực hiện nhiệm vụ gì?

- A. Cải cách giáo dục. B. Khai giảng các bậc học. C. Chống giặc dốt. D. Bổ túc văn hóa.

Câu 6. Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, chúng ta phải đối mặt với nhiều kẻ thù, trong đó nguy hiểm nhất là

- A. quân Trung Hoa Dân Quốc.
 B. thực dân Pháp.
 C. đế quốc Anh.
 D. phát xít Nhật.

Câu 7. Khó khăn nghiêm trọng nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. nạn đói. B. giặc dốt. C. tài chính. D. giặc ngoại xâm.

Câu 8. Các thế lực phản động trong và ngoài nước đối với nước ta sau cách mạng tháng Tám đều có âm mưu

- A. bảo vệ chính quyền Trần Trọng Kim.
 B. đưa thực dân Pháp trở lại Việt Nam.
 C. mở đường cho đế quốc Mỹ xâm lược.
 D. chống phá chính quyền cách mạng Việt Nam.

Câu 9. Thuận lợi nào là cơ bản nhất đối với cách mạng Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Phong trào cách mạng thế giới phát triển sau chiến tranh.
 B. Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành.
 C. Cách mạng có Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.
 D. Nhân dân phấn khởi gắn bó với chế độ.

Câu 10. Ngày 6 – 1 – 1946 ở Việt Nam diễn ra sự kiện nào sau đây?

- A. Thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
 B. Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp; thành lập Ủy ban hành chính các cấp.
 C. Quốc hội khóa I họp phiên đầu tiên, thành lập Chính phủ Liên hiệp kháng chiến.
 D. Tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Câu 11. Thành công của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (1946) ở Việt Nam chứng tỏ

- A. sự ủng hộ to lớn của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam.
- B. quyền lực nhà nước chính thức thuộc về cơ quan hành pháp.
- C. nhân dân có tinh thần đoàn kết và ý thức làm chủ đất nước.**
- D. nhân dân bước đầu giành chính quyền, làm chủ đất nước.

Câu 12. Để giải quyết nạn đói trước mắt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi:

- A. Nhường cơm sẻ áo**
- B. Tịch thu lúa gạo của nhân dân
- C. Kêu gọi sự hỗ trợ của thế giới
- D. Sự hỗ trợ của các nước Đông Nam Á

Câu 13. Biện pháp căn bản và lâu dài để giải quyết nạn đói ở Việt Nam sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công là

- A. nghiêm trị đầu cơ tích trữ lúa gạo.
- B. thực hiện phong trào thi đua tăng gia sản xuất.**
- C. điều hòa thóc gạo giữa các địa phương.
- D. thực hiện lời kêu gọi cứu đói của Hồ Chí Minh.

Câu 14. Trước âm mưu và hành động xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp, chủ trương của Đảng và chính phủ ta như thế nào?

- A. Quyết tâm lãnh đạo kháng chiến.**
- B. Đàm phán với Pháp
- C. Nhờ sự giúp đỡ bên ngoài
- D. Hòa hoãn với thực dân Pháp.

Câu 15. Từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương

- A. hòa hoãn, nhân nhượng với thực dân Pháp và Trung Hoa Dân quốc.
- B. đấu tranh vũ trang chống quân Trung Hoa Dân quốc và quân Pháp.
- C. hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc và kháng chiến chống Pháp.**
- D. đấu tranh vũ trang với quân Trung Hoa Dân quốc và hòa với Pháp.

Câu 16. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã “tạm thời hòa hoãn, tránh xung đột với quân Trung Hoa Dân quốc” là thực hiện chủ trương

- A. tập trung vào xây dựng chính quyền mới.
- B. tập trung lực lượng để đối phó với nội phản trong nước.
- C. tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.**
- D. tranh thủ thời gian hòa bình để xây dựng đất nước.

Câu 17. Thực dân Pháp ký với Chính phủ Trung Hoa Dân quốc Hiệp ước Hoa - Pháp (tháng 2 - 1946) để thực hiện âm mưu gì?

- A. Phối hợp với quân Trung Hoa Dân quốc giải giáp quân Nhật.
- B. Phối hợp với quân Trung Hoa Dân quốc xâm lược Việt Nam lần thứ hai.
- C. Ra miền Bắc Việt Nam chia sẻ quyền lợi với quân Trung Hoa Dân quốc.
- D. Đưa quân ra miền Bắc để hoàn thành việc xâm lược Việt Nam.**

Câu 18. Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa kí Hiệp định sơ bộ (6-3-1946) với Pháp chứng tỏ

- A. sự thoả hiệp của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- B. sự suy yếu của lực lượng cách mạng.
- C. sự thắng lợi của Pháp trên mặt trận ngoại giao.
- D. sự đúng đắn và kịp thời của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.**

Câu 19. Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia

- A. tự do.**
- B. tự trị.**
- C. tự chủ.**
- D. độc lập.**

Câu 20. Nội dung nào sau đây **không** thuộc Hiệp định sơ bộ ?

- A. Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.
- B. Ta đồng ý cho 15000 quân Pháp ra miền Bắc thay thế cho quân Tưởng.
- C. Nhượng cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hoá ở Việt Nam**
- D. Hai bên cùng ngừng bắn ở Nam Bộ.

- Câu 21.** Sau Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục kí với Pháp bản Tạm ước (14-9-1946) vì
- A. muốn đẩy nhanh 20 vạn quân Trung Hoa Dân Quốc về nước.
 - B. thời gian có hiệu lực của Hiệp định Sơ bộ sắp hết.
 - C. thực dân Pháp dùng sức ép về quân sự yêu cầu nhân dân ta phải nhân nhượng thêm.
 - D. nhân dân Việt Nam cần thêm thời gian để chuẩn bị tốt cho cuộc kháng chiến lâu dài với Pháp.**
- Câu 22.** Nội dung nào dưới đây thể hiện tính nguyên tắc trong hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946?
- A. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong liên hiệp Pháp.
 - B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ.
 - C. Nước Việt Nam có chính phủ riêng, có quân đội riêng và nền tài chính riêng.**
 - D. Chính phủ Việt Nam chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra miền Bắc Việt Nam.
- Câu 23.** Điều khoản nào trong Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 có lợi thực tế cho ta?
- A. Pháp công nhận Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do
 - B. Pháp công nhận ta có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp
 - C. Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng
 - D. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ**
- Câu 24.** Hai mục tiêu chiến lược của Đảng để giữ vững thành quả cách mạng 1945-1946 là gì?
- A. Thành lập chính phủ chính thức của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.
 - B. Thực hiện nền giáo dục mới và giải quyết nạn đói.
 - C. Quyết tâm kháng chiến chống thực dân pháp.
 - D. Củng cố, bảo vệ chính quyền cách mạng và ra sức xây dựng chế độ mới.**
- Câu 25.** Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ sau ngày 2-9-1945 đến ngày 19-12-1946 phản ánh quy luật nào của lịch sử dân tộc Việt Nam?
- A. Dựng nước đi đôi với giữ nước.**
 - B. Kiên quyết chống giặc ngoại xâm.
 - C. Luôn giữ vững chủ quyền dân tộc.
 - D. Mềm dẻo trong quan hệ đối ngoại.
- Câu 26.** Từ cuộc đấu tranh ngoại giao sau Cách mạng tháng Tám 1945 có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền Tổ quốc hiện nay?
- A. Mềm dẻo về sách lược, cương quyết trong đấu tranh.**
 - B. Cương quyết trong đấu tranh, cứng rắn về sách lược.
 - C. Luôn mềm dẻo trong đấu tranh và trong sách lược.
 - D. Luôn nhân nhượng với kẻ thù để có được môi trường hòa bình.
- Câu 27.** Nhận xét chung về chính sách của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với quân Trung Hoa Dân quốc sau cách mạng tháng Tám là
- A. đã nhân nhượng quá nhiều.
 - B. đã nhân nhượng có nguyên tắc.**
 - C. đã nhân nhượng từng bước.
 - D. đã nhân nhượng tuyệt đối.
- Câu 28.** Bài học chủ yếu nào dưới đây được rút ra từ kết quả của Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946)?
- A. Phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.**
 - B. Đa phương hóa trong quan hệ quốc tế.
 - C. Kết hợp đấu tranh quân sự-ngoại giao.
 - D. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước.
- Câu 29.** Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954) của quân dân ta bùng nổ do
- A. quân Pháp được Mỹ giúp sức nên đã nổ súng xâm lược trở lại nước ta.
 - B. quân Pháp được quân Anh ủng hộ nên đã nổ súng xâm lược trở lại nước ta.
 - C. Pháp cấu kết với Trung Hoa dân quốc nhằm xâm lược nước ta.
 - D. những hành động bội ước và xâm lược của thực dân Pháp.**

Câu 30. Sự kiện nào trực tiếp dẫn đến cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam bùng nổ vào ngày 19 – 12 – 1946?

- A. Quân Pháp tấn công Hải Phòng và Lạng Sơn.
- B. Hội nghị Phôngtenơblô (Pháp) giữa hai Chính phủ Việt Nam và Pháp thất bại.
- C. Pháp gửi tối hậu thư cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.**
- D. Quân Pháp tiến hành thăm sát nhân dân Việt Nam ở Hàng Bún (Hà Nội).

Câu 31. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (ngày 18 và 19 – 12 – 1946), đã quyết định vấn đề quan trọng nào?

- A. Kí Hiệp định Sơ bộ với Pháp.
- B. Phát động toàn quốc kháng chiến.**
- C. Lãnh đạo nhân dân Nam Bộ chống Pháp.
- D. Hòa hoãn với Pháp.

Câu 32. Ngày 12-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị

- A. Toàn dân kháng chiến.**
- B. Kháng chiến kiến quốc.
- C. Kháng chiến toàn diện.
- D. Trường kì kháng chiến.

Câu 33. “Không! chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.” Câu văn trên trích trong văn bản nào?

- A. Tuyên ngôn độc lập.
- B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.**
- C. Lời kêu gọi nhân ngày thành lập Đảng.
- D. Hịch Việt Minh.

Câu 34. Văn kiện nào chứa đầy đủ nhất nội dung đường lối kháng chiến của Đảng ta?

- A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch (ngày 19-12-1946).
- B. Chỉ thị toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng ngày 12-12-1946.
- C. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Trường Chinh.**
- D. Tác phẩm “Bàn về cách mạng Việt Nam” của Trường Chinh

Câu 35. Thiện chí của ta thể hiện trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là gì?

- A. Chúng ta muốn hòa bình. Chúng ta phải nhân nhượng.**
- B. Chúng ta muốn hòa bình. Chúng ta đã kí hiệp định sơ bộ.
- C. Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ.
- D. Tất cả các câu đều đúng

Câu 36. “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” là lời khen ngợi của Hồ Chủ tịch đối với đơn vị nào?

- A. Đội cứu quốc quân
- B. Đội vệ quốc quân.
- C. Việt Nam giải phóng quân
- D. Trung đoàn Thủ Đức.**

Câu 37. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh có đoạn: “*Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ ai là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc.*”

Đoạn trích trên thể hiện tư tưởng nào của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

- A. Tư tưởng “đoàn kết quốc tế”.
- B. Tư tưởng “đại đoàn kết dân tộc”.
- C. Tư tưởng “chiến tranh nhân dân”**
- D. Tư tưởng “độc lập - tự do”.

Câu 38. Cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (cuối năm 1946 đầu năm 1947) có ý nghĩa chiến lược như thế nào trong cuộc toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954)

- A. tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.**
- B. giam chân địch ở các đô thị.
- C. tiêu hao nhiều sinh lực địch.
- D. làm thất bại âm mưu đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến của ta.

Câu 39. Nước ta bắt đầu tiến hành kháng chiến chống Pháp trở lại xâm lược trong hoàn cảnh nào?

- A. Tình hình quốc tế bất lợi cho ta, cách mạng thế giới đang bước vào giai đoạn thoái trào.**

B. Quốc tế thứ III không có những biện pháp cụ thể để hỗ trợ phong trào đấu tranh giành độc lập ở các nước thuộc địa.

C. Cuộc kháng chiến của ta chỉ nhận được sự ủng hộ của Liên Xô – Trung Quốc.

D. Cuộc chiến đấu của dân tộc ta hoàn toàn đơn độc, chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa vẫn chưa có nước nào công nhận.

Câu 40. Mục tiêu của cuộc chiến đấu chống quân Pháp ở Hà Nội của quân ta trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến là

A. Tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Pháp ở Hà Nội.

B. Giam chân địch để có thời gian chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

C. Phá hủy nhiều kho tàng của địch.

D. Giải phóng được thủ đô Hà Nội.

Câu 41. Đường lối cơ bản của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam là

A. kiên quyết, độc lập, tự chủ, dựa vào nhân dân.

B. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh.

C. giữ vững thế tiến công, kết hợp lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

D. toàn dân đánh giặc, cả nước đồng lòng, quyết tâm chiến đấu.

Câu 42. Thực dân Pháp mở cuộc tấn công Việt Bắc vào thu - đông năm 1947 nhằm

A. ngăn chặn con đường liên lạc của ta với quốc tế.

B. giải quyết mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán lực lượng.

C. tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta.

D. kết thúc chiến tranh trong danh dự.

Câu 43. Chỉ thị của Đảng ta được đưa ra trong chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 là

A. "Toàn dân kháng chiến".

B. "Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp".

C. "Kháng chiến kiến quốc".

D. "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

Câu 44. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1946 - 1954) mở đầu bằng chiến thắng nào?

A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16.

B. Chiến thắng Biên giới.

C. Chiến thắng Việt Bắc.

D. Cuộc chiến đấu của nhân dân Sài Gòn

Câu 45. Chiến thắng Việt Bắc năm 1947 của quân dân Việt Nam đã buộc thực dân Pháp phải chuyển từ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh sang

A. phòng ngự.

B. đánh phân tán.

C. đánh tiêu hao.

D. đánh lâu dài.

Câu 46. Thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1954) đã đánh bại hoàn toàn âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.

B. Chiến dịch Biên giới năm 1950.

C. Chiến cuộc đông – xuân 1953 – 1954.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 47. Sau thất bại ở Việt Bắc thu đông 1947, Pháp buộc phải thay đổi chiến lược chiến tranh ở Đông Dương như thế nào?

A. Từ đánh nhanh, thắng nhanh sang đánh lâu dài.

B. Chuyển sang phòng ngự.

C. Cầu viện và phụ thuộc nhiều vào Mỹ.

D. Chuyển sang đàm phán với Chính phủ ta.

Câu 48. Pháp buộc phải từ bỏ kế hoạch "Đánh nhanh thắng nhanh" chuyển sang chiến lược "đánh lâu dài", điều này chứng tỏ

A. Pháp đã chuyển sang thế phòng thủ chiến lược.

B. Pháp đã mất thế chủ động trên chiến trường chính.

C. Pháp đã mất thế chủ động chiến lược.

D. Pháp đang lâm vào tình trạng lúng túng về chiến lược.

Câu 49. Mục đích sâu xa của Mỹ khi can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương trong những năm 1950 – 1954 là

- A. nhằm ràng buộc chính phủ Bảo Đại.
- B. nhằm từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.**
- C. nhằm giúp đỡ Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.
- D. nhằm giúp đỡ cho chính quyền tay sai của Mỹ ở Đông Dương.

Câu 50. Ý đồ chiến lược của Mĩ khi can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương (1945-1954) là gì?

- A. Khẳng định vị thế của nước Mĩ.
- B. Chia cắt lâu dài nước Việt Nam.
- C. Giúp đỡ Pháp kéo dài và mở rộng chiến tranh.
- D. Nhằm quyền điều khiển chiến tranh Đông**

Dương

Câu 51. Trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1945 – 1954), thắng lợi trong chiến dịch nào giúp quân dân Việt Nam giành được quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ?

- A. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.**
- B. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.
- C. Tiến công chiến lược Đông–Xuân 1953-1954.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 52. Chiến dịch Biên giới thu–đông năm 1950 có điểm gì khác so với chiến dịch Việt Bắc thu–đông năm 1947?

- A. Là chiến dịch có sự phối hợp giữa chiến trường chính và các chiến trường cả nước
- B. Là chiến dịch phòng thủ có quy mô của quân đội ta.
- C. Là chiến dịch có quy mô lớn đầu tiên của quân đội ta
- D. Là chiến dịch có quy mô lớn đầu tiên do quân ta chủ động mở.**

Câu 53. Khẩu hiệu của ta trong chiến dịch Biên giới thu đông năm 1950 là

- A. "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng".
- B. "Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng".**
- C. "Phải phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp".
- D. "Tất cả để đánh thắng giặc Pháp xâm lược".

Câu 54. Ta mở chiến dịch Biên giới 1950 để?

- A. Tiêu diệt bộ phận quan trọng sinh lực địch, khai thông biên giới Việt -Trung, củng cố căn cứ địa cách mạng.**
- B. Khai thông biên giới, con đường liên lạc giữa ta và Trung Quốc với các nước dân chủ trên thế giới.
- C. đánh bại kế hoạch Rơ-ve.
- D. Tạo điều kiện thúc đẩy cuộc khởi nghĩa của ta lên một bước mới.

Câu 55. Trong chiến dịch Biên giới, trận đánh nào mang tính chất ác liệt và có ý nghĩa nhất?

- A. Thất Khê
- B. Phục kích đánh địch trên đường số 4.
- C. Đông Khê.**
- D. Phục kích đánh địch từ Cao Bằng rút chạy.

Câu 56. Đông Khê được chọn là nơi mở đầu chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 của quân dân Việt Nam, vì đó là vị trí

- A. quan trọng nhất và tập trung cao nhất binh lực của Pháp.
- B. án ngữ Hành lang Đông - Tây của thực dân Pháp.
- C. ít quan trọng nên quân Pháp không chú ý phòng thủ.
- D. có thể đột phá, chia cắt tuyến phòng thủ của quân Pháp.**

Câu 57. Điểm khác nhau của chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 so với chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 của quân dân Việt Nam là về

- A. loại hình chiến dịch.**
- B. địa hình tác chiến.
- C. đối tượng tác chiến.
- D. lực lượng chủ yếu.

TỪ SAU CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI ĐẾN CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ**(1951 – 1954)****I. CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM:**

1. Mĩ can thiệp sâu, Pháp thực hiện kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (từ cuối 1950).
2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Đảng (2/1951).
3. Kế hoạch Nava – Âm mưu mới của Pháp – Mĩ (1953 – 1954)
4. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 - 1954. Chiến dịch Điện Biên Phủ
5. Hiệp định Giơnevơ. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp,

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:

Câu 58. Trước tình hình sa lầy của Pháp, Mĩ đã có hành động gì đối với cuộc chiến tranh Đông Dương?

- A.** Can thiệp sâu vào Đông Dương. **B.** Chuẩn bị can thiệp vào Đông Dương.
C. Không can thiệp vào Đông Dương. **D.** Bắt đầu can thiệp vào Đông Dương

Câu 59. Kế hoạch Đờ lát đơ Tátxinhi được Pháp - Mĩ đề ra và thực hiện trong bối cảnh lịch sử như thế nào?

- A.** Quân Pháp mất quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ
B. Phạm vi chiếm đóng của quân Pháp bị thu hẹp
C. Ngân sách cho chiến tranh Đông Dương bị cắt giảm
D. Kế hoạch “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” bị phá sản

Câu 60. Với kế hoạch Đờ lát đơ Tátxinhi, Pháp có mong muốn gì?

- A.** Giành lại thế chủ động trên chiến trường. **B.** Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
C. Buộc ta phải đầu hàng. **D.** Buộc ta phải đàm phán.

Câu 61. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi đã có ảnh hưởng như thế nào đến cuộc kháng chiến của ta?

- A.** Đưa cuộc chiến tranh của Pháp lên quy mô lớn, gây nhiều khó khăn cho ta.
B. Giúp Pháp giành lại thế chủ động trên chiến trường.
C. Giúp ta có thể mở mặt trận đấu tranh ngoại giao, đàm phán với Pháp.
D. Giúp ta có thể lợi dụng nhiều điểm yếu của kế hoạch này.

Câu 62. So với kế hoạch Rơ -ve, kế hoạch Đờ lát đơ Tátxinhi được xem là

- A.** Một bước lùi trong chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương.
B. Một bước tiến trong chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương.
C. Sự bế tắc của Pháp trong chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương.
D. Sự thỏa hiệp của Pháp và Mĩ trong chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương

Câu 63. Trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954), Đảng Lao động Việt Nam đã quyết định thành lập hình thức mặt trận nào?

- A.** Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương. **B.** Mặt trận Việt Minh.
C. Mặt trận Thống nhất Dân chủ Đông Dương **D.** Mặt trận Liên Việt.

Câu 64. Một trong ba phương châm của công cuộc cải cách giáo dục phổ thông ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa những năm 1950-1953 là

- A.** đại chúng hóa. **B.** phục vụ dân sinh. **C.** phát triển xã hội. **D.** củng cố hậu phương.

Câu 65. Tại Đại hội đại biểu lần thứ II (tháng 2 - 1951), Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một

- A.** Đảng Mác - Lênin. **B.** mặt trận thống nhất. **C.** Chính phủ liên hiệp. **D.** lực lượng vũ trang.

Câu 66. Vì sao Đại hội II của Đảng đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta?

- A.** Đưa Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên thành Đảng Lao động Việt Nam.
B. Đại hội khẳng định Đảng ta tiếp tục lãnh đạo kháng chiến.
C. Đại hội đưa Đảng lên nắm quyền lãnh đạo.
D. Đại hội đưa Đảng ra hoạt động công khai và đề ra đường lối kháng chiến.

Câu 67. Vì sao tại Đại hội toàn quốc lần thứ II (2 – 1951), Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định tách Đảng và thành lập ở mỗi nước Đông Dương một chính đảng vô sản riêng?

- A.** Vì đó là xu thế chung của thế giới. **B.** Vì sự chia rẽ của thực dân Pháp.

C. Vì Quốc tế Cộng sản chỉ đạo.

D. Vì phù hợp đặc điểm riêng của từng nước.

Câu 68. Để góp phần xây dựng hậu phương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã

A. quyết định phát động phong trào toàn dân xóa nạn mù chữ.

B. mở cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm.

C. họp Hội nghị thành lập Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào.

D. chủ trương thành lập Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam

Câu 69. Bước sang 1951-1953 cuộc kháng chiến của ta như thế nào?

A. Được đẩy mạnh nhờ Trung Quốc giúp đỡ.

B. Chuyển sang thế phong ngự bị động.

C. Tiếp tục giữ quyền chủ động trên chiến trường.

D. Liên tiếp thất bại trên các chiến trường.

Câu 70. Năm 1953, thực dân Pháp gặp khó khăn nào trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam?

A. Bước đầu để mất quyền chủ động.

B. Bị Mỹ ép kết thúc chiến tranh.

C. Mỹ cắt giảm nguồn viện trợ.

D. Vùng chiếm đóng bị thu hẹp.

Câu 71. Trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, thực dân Pháp tiến hành kế hoạch Nava (1953 - 1954). Nội dung chính trong bước 1 của kế hoạch này là gì?

A. Phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tấn công chiến lược ở Trung Bộ và Nam Đông Dương.

B. Tấn công chiến lược ở Bắc Bộ, phòng ngự chiến lược ở Trung Bộ và Nam Đông Dương.

C. Tấn công chiến lược ở hai miền Nam – Bắc.

D. Phòng ngự chiến lược ở hai miền Nam – Bắc.

Câu 72. Sau khi được cử làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương (5 – 1953), Nava đề ra kế hoạch quân sự mới với hi vọng

A. tiến hành cuộc "chiến tranh tổng lực" 18 tháng, giành thắng lợi quyết định kết thúc chiến tranh.

B. bao vây, tiến công lên Việt Bắc, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến kết thúc chiến tranh.

C. trong vòng 18 tháng sẽ giành thắng lợi quyết định để "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

D. trong vòng 1 năm sẽ đàm phán thành công buộc chính phủ ta phải đầu hàng.

Câu 73. Điểm mấu chốt của kế hoạch Nava là gì?

A. Tập trung binh lực, xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh, mở một số cuộc tiến công chiến lược.

B. Phân tán lực lượng để chủ động đối phó với các mũi tiến công của ta.

C. Tập trung binh lực ở đồng bằng Bắc Bộ, mở mũi tiến công lên Tây Bắc và Bắc Lào.

D. Tập trung binh lực, mở trận quyết chiến chiến lược giành thắng lợi để kết thúc chiến tranh.

Câu 74. Chủ trương của Đảng trong Đông Xuân 1953 – 1954 là

A. phân tán, tiêu hao sinh lực địch.

B. đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava.

C. buộc địch vào thế bị động, thương lượng.

D. buộc Pháp kí hiệp định Giơnevơ.

Câu 75. Phương hướng chiến lược của quân đội và nhân dân Việt Nam trong Đông - Xuân 1953-1954 là tiến công vào

A. vùng đồng bằng Bắc bộ, nơi tập trung quân cơ động của Pháp.

B. những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.

C. Điện Biên Phủ, trung tâm điểm của kế hoạch quân sự Nava.

D. toàn bộ các chiến trường ở Việt Nam, Lào và Campuchia.

Câu 76. Phương châm tác chiến của ta trong Đông - xuân 1953 -1954 là gì?

A. "Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng".

B. "Đánh nhanh, thắng nhanh".

C. "Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh chắc thắng".

D. "Đánh chắc, thắng chắc".

Câu 77. Cuộc Tiến công chiến lược của ta trong Đông – Xuân 1953 – 1954 đã

A. làm cho kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản, buộc quân chủ lực của chúng bị động, phân tán.

B. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava, buộc Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Giơnevơ.

C. làm cho Mỹ tuyên bố cắt giảm viện trợ cho Pháp để trực tiếp can thiệp vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. buộc Pháp phải tuyên bố chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Câu 78. Nguyên nhân chủ yếu để Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954?

- A. Để tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch B. Để giải phóng vùng Tây Bắc.
C. Tạo điều kiện để giải phóng Bắc Lào D. Để làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava

Câu 79. Vì sao ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với Pháp?

- A. Điện Biên Phủ có địa hình thuận lợi.
B. Điện Biên Phủ là trung tâm của kế hoạch Na va.
C. Lực lượng của Pháp ở Điện Biên Phủ tương đối yếu.
D. Điện Biên Phủ là địa bàn chiến lược của ta.

Câu 80. Khẩu hiệu của ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ là gì?

- A. Tiêu diệt hết quân địch ở Điện Biên Phủ. B. Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng.
C. Điện Biên Phủ thành mồ chôn giặc Pháp. D. Tốc chiến, tốc thắng.

Câu 81. Chiến thắng nào của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) đã làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947. B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
C. Chiến dịch Tây Bắc thu – đông năm 1952. D. Chiến dịch Biên giới năm 1950

Câu 82. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 – 1954, chiến thắng nào của quân và dân ta được ghi nhận là “ cái mốc bằng vàng, nơi ghi dấu chủ nghĩa thực dân lặn xuống dốc”?

- A. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954. B. Chiến thắng Việt Bắc năm 1947.
C. Chiến thắng Biên giới năm 1950. D. Chiến thắng trong Đông – Xuân 1953 – 1954.)

Câu 83. Chiến thắng nào đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava?

- A. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954.
B. Chiến dịch Điện Biên Phủ.
C. Thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953 – 1954 và chiến thắng Điện Biên Phủ.
D. Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết.

Câu 84. Nhận định nào đánh giá không đúng ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 (THPT chuyên Bắc Giang)

- A. làm cho Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước
B. đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava
C. giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp
D. tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi

Câu 85. Nhận định nào sau đây **không** đúng về chiến thắng Điện Biên Phủ?

- A. Là thắng lợi làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.
B. Là thắng lợi quân sự lớn nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp.
C. Là thắng lợi buộc Pháp phải kí kết Hiệp định Giơnevơ.
D. Là một mốc son chói lọi trong lịch sử cách mạng dân tộc.

Câu 86. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết trong hoàn cảnh nào?

- A. Khi cuộc kháng chiến diễn ra quyết liệt. B. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc.
C. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954. D. Cuộc kháng chiến của ta gặp nhiều khó khăn.

Câu 87. Hiệp định Giơnevơ (1954) đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia bao gồm

- A. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
B. Độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
C. Độc lập, chủ quyền, tự do và toàn vẹn lãnh thổ
D. Độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ

Câu 88. Trong các nội dung sau, nội dung nào **không** nằm trong Hiệp định Giơ-ne-vơ về việc kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương (21 – 7 – 1954)?

- A. Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do vào tháng 7 – 1956.
B. Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ để giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hòa bình.

C. Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương.

D. Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Câu 89. "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh..." đó là nhận định của chủ tịch Hồ Chí Minh về thắng lợi nào?

A. Kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975).

B. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945).

C. Thắng lợi của chiến dịch Biên giới (1950).

D. Kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

Câu 90. Nguyên nhân quyết định đến sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)?

A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo.

B. Truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc.

C. Tinh thần đoàn kết của ba nước Đông Dương.

D. Sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế.

Câu 91. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) có ý nghĩa quốc tế sâu sắc vì

A. đã góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh.

B. đã góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh.

C. đã mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, châu Phi và Mĩ Latinh.

D. đã chọc thủng một khâu trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng Lào và Campuchia.

Câu 92. Trong cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954, quân đội và nhân dân Việt Nam thực hiện kế sách gì để đối phó với kế hoạch Nava?

A. Lừa địch để đánh địch.

B. Đánh điểm, diệt viện.

C. Đánh vận động và công kiên.

D. Điều địch để đánh địch.

Câu 93. Điểm chung về hoạt động quân sự của quân dân Việt Nam trong các chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947, Biên giới thu - đông năm 1950 và Điện Biên Phủ năm 1954 là có sự kết hợp giữa

A. đánh điểm, diệt viện và đánh vận động. B. chiến trường chính và vùng sau lưng địch.

C. tiến công quân sự và nổi dậy của nhân dân. D. bao vây, đánh lấn và đánh công kiên.

Câu 94. Điểm tương đồng về mục tiêu mở các chiến dịch trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) của quân và dân Việt Nam là

A. Mở rộng căn cứ địa Việt Bắc

B. Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch

C. Giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ

D. Phá vỡ âm mưu bình định, lấn chiếm của Pháp

Câu 95. Sự kiện nào đã đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam (1945-1954)?

A. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954

B. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương(1954)

C. Pháp rút quân khỏi miền Bắc Việt Nam

D. Hiệp thương thống nhất hai miền

Câu 96. Nguyên tắc quan trọng nhất của Việt Nam trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 và hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là

A. Phân hóa, cô lập cao độ kẻ thù

B. Đảm bảo giành thắng lợi từng bước

C. Đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng

D. Không vi phạm chủ quyền quốc gia

Câu 97. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), quân đội Việt Nam thực hiện

A. lấy nhiều đánh ít.

B. lấy lực thắng thế.

C. lấy nhỏ đánh lớn.

D. lấy ít địch nhiều.

VIỆT NAM 1954 - 1975**I. TÌNH HÌNH - NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG SAU HIỆP ĐỊNH GIÒNEVO**

Câu 1. Nét nổi bật nhất về tình hình chính trị ở Việt Nam sau khi Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết là gì?

- A. Hà Nội được giải phóng
 B. Pháp rút quân khỏi miền Bắc
 C. Đất nước bị chia cắt làm hai miền.
 D. Hai miền tuyển cử thống nhất đất nước.

Câu 2. Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, nhân dân ta không thể tiến hành công cuộc tổng tuyển cử để thống nhất đất nước là do

- A. hậu quả của cuộc chiến tranh kéo dài 9 năm (1945 - 1954) cản trở kế hoạch của ta.
 B. Mĩ phá hoại Hiệp định, dựng lên chính quyền tay sai, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta.
 C. đồng bào 2 miền Nam - Bắc khó khăn trong việc đi lại để tham gia tổng tuyển cử.
 D. thiếu một ủy ban quốc tế giám sát cuộc tổng tuyển cử tự do.

Câu 3. Nhiệm vụ cơ bản nhất của cách mạng nước ta sau 1954 là gì?

- A. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, hỗ trợ cho cách mạng miền Nam
 B. Tiến hàng cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam chống Mĩ - Ngụy, miền Bắc tiến lên CNXH
 C. Miền Bắc xây dựng CNXH, miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới thống nhất nước nhà
 D. Miền Bắc xây dựng CNXH, chi viện cho miền Nam. Miền Nam tiến hành cách mạng dân chủ nhân dân, bảo vệ miền Bắc, thực hiện thống nhất nước nhà

Câu 4. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau 1954 là gì?

- A. Tiếp tục đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp
 B. Đấu tranh chính trị chống Mĩ Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ - ne - vơ, bảo vệ hòa bình
 C. Bảo vệ miền Bắc XHCN, để miền Bắc đủ sức chi viện cho miền Nam
 D. Chống "tố cộng", "Diệt cộng", đòi quyền tự do dân chủ

Câu 5. Đại hội lần III của Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định là Đại hội như thế nào?

- A. "Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà"
 B. "Đại hội thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc"
 C. "Đại hội xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam"
 D. "Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam"

Câu 6. Để hoàn thành nhiệm vụ chung, vai trò của miền Bắc sẽ là gì?

- A. Miền Bắc là hậu phương có vai trò quyết định trực tiếp
 B. Miền Bắc là hậu phương có vai trò quyết định nhất
 C. Miền Bắc là hậu phương, có nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam
 D. Miền Bắc là hậu phương, có nhiệm vụ bảo vệ cách mạng miền Nam

Câu 7. Để hoàn thành nhiệm vụ chung, vai trò của cách mạng miền Nam là gì?

- A. Miền Nam là tiền tuyến có vai trò bảo vệ cách mạng XHCN ở miền Bắc
 B. Miền Nam là tiền tuyến có vai trò quyết định nhất
 C. Miền Nam là tiền tuyến có vai trò quyết định trực tiếp
 D. Miền Nam là tiền tuyến có vai trò làm hậu thuẫn cho cách mạng miền Bắc

Câu 8. Đường lối nào thể hiện sự sáng tạo, độc đáo của Đảng trong thời kì chống Mĩ cứu nước?

- A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, làm hậu phương lớn của miền Nam
 B. Tiến hàng cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam
 C. Tiến hành đồng thời ở cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
 D. Tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở cả miền Bắc và miền Nam

II. PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI

Câu 1. Việc Mĩ - Diệm mở rộng chiến dịch "Tố cộng", "diệt cộng", ra sắc lệnh "đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật", thực hiện "đạo luật 10-59" chứng tỏ điều gì?

- A. Sự suy yếu và ngày càng bị cô lập của chúng** **B. Sức mạnh về quân sự của Mĩ - Diệm**
C. Chính sách độc tài của chế độ gia đình trị **D. Mĩ - Diệm rất mạnh**

Câu 2. Hội nghị TW Đảng lần thứ 15 (đầu năm 1959) đã xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, bằng lực lượng nào?

- A. Lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.**
B. Lực lượng vũ trang nhân dân kết hợp với lực lượng chính trị.
C. Sự kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh ngoại giao.
D. Sự kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị.

Câu 3. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến sự bùng nổ của phong trào Đồng Khởi 1959-1960?

- A. Mĩ - Diệm phá Hiệp định Giơ - ne - vơ, thực hiện chính sách "Tố cộng", "Diệt cộng"**
B. Có nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Đảng về đường lối cách mạng miền Nam
C. Do chính sách cai trị của Mĩ - Diệm làm cho cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề
D. Do tinh thần bất khuất, không chịu ách kìm kẹp của nhân dân ta

Câu 4. Kết quả nào sau đây là kết quả của phong trào "Đồng Khởi" đạt được?

- A. Sự ra đời của Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.**
B. Mĩ làm cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm đưa tay sai mới lên cầm quyền.
C. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở nhiều thôn xã ở miền Nam.
D. Buộc Mĩ phải "Mĩ hóa" chiến tranh xâm lược miền Nam.)

Câu 5. Ý nghĩa to lớn nhất của phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960) là gì?

- A. Đánh dấu cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công,**
B. Mở rộng vùng giải phóng.
C. Đưa đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam
D. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ, buộc Mĩ phải thực hiện cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm

Câu 6. Nhân dân miền Nam Việt Nam sử dụng bạo lực cách mạng trong phong trào Đồng khởi (1959 - 1960) vì

- A. lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.**
B. không thể tiếp tục đấu tranh bằng con đường hòa bình.
C. cách mạng miền Nam đã chuyển hẳn sang thế tiến công.
D. mọi xung đột chỉ có thể được giải quyết bằng vũ lực.

Câu 7. Phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960) nổ ra trong hoàn cảnh cách mạng miền Nam Việt Nam đang

- A. gặp muôn vàn khó khăn và tổn thất.** **B. giữ vững và phát triển thế tiến công.**
C. chuyển dần sang đấu tranh chính trị. **D. chuyển hẳn sang tiến công chiến lược.**

III. CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT (1961-1965)

Câu 1. "Chiến tranh đặc biệt" nằm trong hình thức nào của chiến lược toàn cầu của Mĩ đề ra?

- A. "Phản ứng linh hoạt".** **B. "Ngăn đe thực tế"**
C. "Bên miệng hố chiến tranh" **D. "Chính sách thực lực"**

Câu 2. Âm mưu thâm độc nhất của "Chiến tranh đặc biệt" là gì?

- A. Sử dụng người Việt đánh người Việt** **B. Sử dụng phương tiện chiến tranh của Mĩ**
C. Tiến hành dồn dân, lập "ấp chiến lược" **D. Phá hoại cách mạng miền Bắc**

Câu 3. Mĩ - Ngụy dự định thực hiện những mục tiêu của "Chiến tranh đặc biệt" với trọng tâm là "bình định" miền Nam trong vòng 18 tháng. Mục tiêu này nằm trong kế hoạch nào?

A. Dồn dân lập ấp chiến lược

B. Stalây - Taylo

C. Giôn - xơn Mác-na-ma-ra.

D. Kế hoạch "bình định" và "tìm diệt"

Câu 4. Trong "Chiến tranh đặc biệt", "bình định" miền Nam trong vòng 2 năm là mục tiêu kế hoạch nào của Mỹ?

A. Giôn-xơn Mác-na-ma-ra.

B. Bình định toàn miền Nam.

C. Dồn dân lập "Ấp chiến lược".

D. Sta- lây - Tay-lo.

Câu 5. Để thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ đã sử dụng lực lượng quân đội nào là chủ yếu?

A. Lực lượng quân đội Sài Gòn.

B. Lực lượng quân Mỹ

C. Lực lượng quân viễn chinh Mỹ

D. Lực lượng quân Mỹ và quân viễn chinh

Câu 6. Yếu tố nào được xem là "Xương sống" của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"?

A. Ngụy quân.

B. Ngụy quyền.

C. "Ấp chiến lược".

D. Đô thị

Câu 7. Chiến thuật được sử dụng phổ biến trong "Chiến tranh đặc biệt" là gì?

A. Dồn dân, lập "ấp chiến lược"

B. "Trục thẳng vận", "thiết xa vận"

C. Càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng.

D. "Bình định" toàn bộ miền Nam

Câu 8. Trên mặt trận quân sự chiến thắng nào của ta có tính chất mở màn cho việc đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ?

A. Bình Giã (Bà Rịa).

B. Ba Gia (Quảng Ngãi)

C. Đồng Xoài (Biên Hòa).

D. Ấp Bắc (Mĩ Tho)

Câu 9. Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Ấp Bắc là gì?

A. Cuộc đọ sức đầu tiên, thắng lợi đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Nam với quân viễn chinh Mỹ

B. Chiến thắng này đã đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang miền Nam, đánh dấu sự phá sản bước đầu của chiến thuật "Trục thẳng vận, thiết xa vận" của Mỹ

C. Là chiến thắng quan trọng, đánh dấu sự phá sản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", buộc Mỹ phải chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" trên toàn miền Nam

D. Là chiến thắng quan trọng, buộc Mỹ phải tuyên bố "Mỹ hóa" trở lại cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Câu 10. Chiến thắng quân sự nào của ta đã làm phá sản về cơ bản "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ?

A. Ấp Bắc

B. Bình Giã

C. Đồng Xoài

D. Ba Gia

IV. CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH CỤC BỘ (1965-1968)

Câu 1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam ra đời trong hoàn cảnh nào?

A. Sau thất bại của "Chiến tranh đơn phương"

B. Sau phong trào "Đồng Khởi"

C. Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"

D. Ngay sau hiệp định Giơnevơ

Câu 2. Ưu thế về quân sự trong "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ là gì?

A. Nhiều máy bay.

B. Nhiều xe tăng

C. Quân số đông, vũ khí hiện đại

D. Thực hiện nhiều chiến thuật mới

Câu 3. Lực lượng giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị trong "Chiến tranh cục bộ" là lực lượng nào?

A. Lực lượng quân ngụy.

B. Lực lượng quân viễn chinh Mỹ

C. Lực lượng quân chư hầu.

D. Quân đội Hàn Quốc

Câu 4. Thủ đoạn chính của Mỹ trong chiến lược "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam (1965-1968) là

A. Tìm diệt

B. Càn quét

C. lập ấp chiến lược

D. Tìm diệt và bình định

Câu 5. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) là gì?

A. Chiến thắng Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với quân đội Sài Gòn

B. Cổ vũ quân dân cả nước quyết tâm đánh thắng Mỹ

C. Khẳng định khả năng có thể đánh thắng Mỹ đã trở thành hiện thực

D. Nâng cao uy tín của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam

Câu 6. Điểm nào trong các điểm sau đây nói lên sự khác nhau giữa "Chiến tranh cục bộ" so với "Chiến tranh đặc biệt"?

- A. Sự tham chiến của quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu
- B. Sử dụng cố vấn Mỹ, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mỹ
- C. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm chống lại cách mạng miền Nam
- D. Là loại hình chiến tranh thử nghiệm lần đầu tiên miền Nam Việt Nam

Câu 7. Cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 - 1966) của Mỹ nhằm vào hướng chính nào?

- A. Miền Đông Nam Bộ
- B. Đồng bằng khu V và miền Đông Nam Bộ
- C. Đồng bằng khu V và miền Tây Nam Bộ
- D. Miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ

Câu 8. Cùng với việc thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, Mỹ còn mở rộng chiến tranh ở đâu?

- A. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc
- B. Mở rộng chiến tranh sang Lào
- C. Mở rộng chiến tranh sang Campuchia
- D. Mở rộng chiến tranh trên toàn cõi Đông Dương

Câu 9. Vì sao Mỹ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pa-ri?

- A. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất
- B. Bị đánh bất ngờ trong cuộc tập kích chiến lược của ta vào Tết Mậu Thân 1968
- C. Bị thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai
- D. Bị thua đau trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm phá miền Bắc

Câu 10. Đây là yếu tố bất ngờ nhất của cuộc tiến công và nổi dậy trong Tết Mậu Thân (1968)?

- A. Mở đầu cuộc tiến công vào đêm giao thừa.
- B. Tiến công vào các vị trí đầu não của địch
- C. Tiến công vào Bộ Tổng tham mưu địch.
- D. Tiến công vào sân bay Tân Sơn Nhất

Câu 11. Tại sao cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 lại mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước?

- A. Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mỹ
- B. Buộc Mỹ phải tuyên bố "phi Mỹ hóa" chiến tranh xâm lược
- C. Buộc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc
- D. Buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đến đàm phán ở Pari

Câu 12. Nghệ thuật quân sự nào của cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 đã được Bộ chính trị Trung ương Đảng kế thừa phát huy từ cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Diễn ra đồng loạt trên các đô thị miền Nam
- B. Tranh thủ thời cơ thuận lợi để tiến công giành thắng lợi quyết định
- C. Kết hợp giữa tiến công quân sự của lực lượng vũ trang với nổi dậy của quần chúng
- D. Đánh vào nơi mạnh nhất của kẻ thù

V. CHIẾN ĐẤU CHỐNG "VIỆT NAM HÓA" – "ĐÔNG DƯƠNG HÓA CHIẾN TRANH (1969-1973)

Câu 1. "Việt Nam hóa chiến tranh" thực chất là tiếp tục thực hiện âm mưu gì?

- A. Đề cao học thuyết Ních-xơn.
- B. "Dùng người Việt đánh người Việt".
- C. "Tìm diệt" và "bình định".
- D. Sử dụng quân Mỹ là chủ yếu

Câu 2. Để hỗ trợ "Việt Nam hóa chiến tranh" đế quốc Mỹ đã

- A. Rút dần quân Mỹ về nước.
- B. Mở rộng chiến tranh toàn Đông Dương.
- C. Cô lập cách mạng miền Nam.
- D. Tăng số lượng ngụy quân.

Câu 3. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Ních - xơn có điểm gì giống so với chiến lược "Chiến tranh cục bộ"?

- A. Về mục đích của chiến tranh.
- B. Về vai trò của quân đội Mỹ
- C. Vai trò của quân Ngụy.
- D. Về vai trò của "ấp chiến lược"

Câu 4. Ngày 6-6-1969 gắn với sự kiện lịch sử nào của dân tộc ta?

- A. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đến Hội nghị Pa - ri

- B.** Hội nghị cao cấp ba nước Đông Dương
C. Mĩ mở rộng tấn công phá hoại miền Bắc lần thứ hai
D. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời
- Câu 5.** Mở đầu cuộc tổng tiến công chiến lược 1972, quân ta tấn công vào khu vực nào?
A. Tây Nguyên **B.** Đông Nam Bộ **C.** Nam Trung Bộ **D.** Quảng Trị
- Câu 6.** Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của ta theo những hướng chính nào?
A. Quảng Trị - Tây Nguyên- Đông Nam Bộ **B.** Tây Nam Bộ - Liên Khu V – Đông Nam Bộ
C. Đông Nam Bộ- Tây Nam Bộ **D.** Tây Ninh - Đông Nam Bộ
- Câu 7.** Ý nghĩa quan trọng nhất của cuộc tiến công chiến lược 1972?
A. Đã mở ra một bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta
B. Đã giáng 1 đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh
C. Đã giáng 1 đòn nặng nề vào quân nguy (Công cụ chủ yếu) của Mĩ
D. Buộc Mĩ phải thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh
- Câu 8.** Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược và thừa nhận sự thất bại của "Việt Nam hóa" chiến tranh?
A. Do thắng lợi liên tiếp của ta trên các mặt trận quân sự trong 3 năm 1969, 1970, 1971
B. Sau đòn tấn công bất ngờ của ta trong cuộc tiến công chiến lược 1972
C. Thắng lợi của ta trên mặt trận ngoại giao ở Pari
D. Do thắng lợi của nhân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, tiếp tục chi viện không ngừng cho miền Nam
- Câu 9.** Điểm giống nhau giữa chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và "chiến tranh đặc biệt" là
A. hệ thống cố vấn Mĩ tăng cường trong khi viện trợ tài chính của Mĩ giảm dần.
B. Vai trò quân Mĩ và cố vấn Mĩ giảm dần.
C. Quân đội Sài Gòn là một bộ phận lực lượng chủ lực "tìm diệt"
D. Quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ lực.
- Câu 10.** Điểm khác của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" so với "chiến tranh đặc biệt" là
A. có sự tham gia của cố vấn Mĩ
B. là hình thức chiến tranh kiểu mới.
C. có sự phối hợp của một bộ phận đáng kể lực lượng chiến đấu Mĩ.
D. đặt dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mĩ, sử dụng phương tiện chiến tranh của Mĩ.

VI. ĐẤU TRANH CHỐNG "BÌNH ĐỊNH", LẤN CHIẾM, TIẾN TỚI GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM, GIÀNH TOÀN VẬN LÃNH THỔ (1973 - 1975)

- Câu 1.** Sau hiệp định Pari năm 1973, tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng miền Nam là gì?(C 34 Đ3).
A. Quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ rút khỏi nước ta.
B. Quân Mĩ vẫn còn ở miền Nam nên cách mạng miền Nam gặp khó khăn.
C. Lực lượng cách mạng lớn mạnh mọi mặt. có khả năng đánh đổ quân đội Sài Gòn.
D. Chính quyền và quân đội Sài Gòn hoang mang, dao động, có nguy cơ sụp đổ.
- Câu 2.** Những biểu hiện nào thể hiện sau Hiệp định Pari năm 1973, Mĩ vẫn tiếp tục dính líu vào cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam?
A. Giữ lại cố vấn quân sự, lập Bộ chỉ huy quân sự.
B. Tiếp tục để lại lực lượng quân đội ở Miền Nam.
C. Dùng thủ đoạn ngoại giao để cô lập.
D. Dùng thủ đoạn chính trị để lừa bịp.
- Câu 3.** Âm mưu thâm độc nhất của Mĩ sau Hiệp định Pari là gì?
A. Rút quân Mĩ về nước **B.** Rút quân Đồng minh về nước
C. Giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự **D.** Tiếp tục viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn

- Câu 4.** Nội dung nào **không** phải là những hành động phá hoại Hiệp định Pari của Mỹ - Ngụy ở miền Nam Việt Nam?
- A. Tiến hành chiến dịch tràn ngập lãnh thổ
 B. Mở các cuộc hành quân bình định - lấn chiếm vùng giải phóng
 C. Tiếp tục chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh"
 D. Chuẩn bị thay thế Tổng thống chính quyền Sài Gòn
- Câu 5.** Hội nghị lần thứ 21 của Đảng(7/1973) đã xác định kẻ thù của cách mạng miền Nam vẫn là
- A. đế quốc Mỹ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu. B. đế quốc Mỹ.
 C. tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu. D. đế quốc Mỹ và quân đội Sài Gòn
- Câu 6.** Hội nghị lần thứ 21 của Đảng(7/1973) xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn 1973 – 1975 là gì?
- A. Bảo vệ những thành quả của cách mạng. B. Bảo vệ vùng giải phóng.
 C. Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. D. Đánh đổ tập Nguyễn Văn Thiệu.
- Câu 7.** Cuối năm 1974 đầu 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân, trọng tâm ở đâu?
- A. Đồng bằng Nam Bộ B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ
 C. Trung Bộ và khu V D. Mặt trận Trị - Thiên
- Câu 8.** Kế hoạch giải phóng miền Nam được Đảng đề ra trong
- A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần 21(cuối năm 1973).
 B. Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng cuối năm 1974 – đầu năm 1975.
 C. Hội nghị của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam.
 D. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương năm 1970.
- Câu 9.** Kế hoạch giải phóng miền Nam được Bộ chính trị TW Đảng đề ra trong 2 năm, đó là 2 năm nào?
- A. 1972-1973. B. 1973-1974 C. 1974-1975. D. 1975-1976
- Câu 10.** Thắng lợi tiêu biểu nhất trong các hoạt động quân sự Đông Xuân 1974-1975 là gì?
- A. Chiến thắng Đường 9 Nam Lào
 B. Đánh bại cuộc hành quân "Lam Son 719" của Mỹ - Ngụy
 C. Chiến dịch Đường 14 - Phước Long
 D. Chiến dịch Tây Nguyên
- Câu 11.** Thắng lợi Phước Long và tình hình chiến sự sau Phước Long đã giúp Bộ Chính trị bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam như thế nào?
- A. Giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong 1975
 B. Tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa giải phóng miền trong năm 1976
 C. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975
 D. Đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm (1975-1976), nhưng nhận định kể cả năm 1975 là thời cơ và chỉ rõ : "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975"
- Câu 12.** Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam khẳng định tính đúng đắn và linh hoạt trong lãnh đạo của Đảng. Hãy chỉ ra tính nhân văn trong kế hoạch đó?
- A. Trong năm 1975 tiến công địch trên quy mô rộng lớn
 B. Năm 1976, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam
 C. Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong 1975
 D. Tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân.
- Câu 13.** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 lần lượt trải qua ba chiến dịch lớn nào?
- A. Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng B. Tây nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh
 C. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh D. Tây Nguyên, Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng

Câu 14. Hoàn cảnh lịch sử nào thuận lợi nhất để từ đó Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam?

- A. Quân Mĩ và quân Đồng Minh đã rút khỏi miền Nam, Ngụy mất chỗ dựa
- B. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long**
- C. Khả năng chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam
- D. Mĩ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn

Câu 15. Vì sao Hội nghị Bộ Chính trị 10-1974 quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975?

- A. Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch tập trung dày đặc để bảo vệ miền Nam
- B. Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch tập trung ở đây mỏng, bố phòng có nhiều sơ hở**
- C. Tây Nguyên có một căn cứ quân sự liên hợp mạnh nhất của Mĩ - Ngụy ở miền Nam
- D. Tây Nguyên là cửa ngõ tiến vào trung tâm Sài Gòn

Câu 16. Sau chiến thắng Phước Long của ta, thái độ của Mĩ ra sao?

- A. Đưa quân quay trở lại miền Nam
- B. Phản ứng quyết liệt bằng ngoại giao
- C. Không có phản ứng gì
- D. Phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực từ xa đe dọa**

Câu 17. Cuối năm 1974, đầu năm 1975, ta mở các hoạt động quân sự ở vùng nào?

- A. Nam Bộ.**
- B. Tây Nguyên
- C. Các thành phố lớn.
- D. Ven biển miền Trung

Câu 18. Trận then chốt trong chiến dịch Tây Nguyên?

- A. Plâycu.
- B. Buôn Ma Thuột.**
- C. Kon Tum.
- D. Đắc Lắc

Câu 19. Trước khi đánh Buôn Mê Thuột quân ta đánh nghi binh ở Plâyku và Kon Tum nhằm mục đích gì?

- A. Tạo thế bất ngờ.
- B. Thu hút quân địch về hướng đó để tiêu diệt.
- C. Phân tán lực lượng địch.**
- D. Làm cho địch rối loạn, rút chạy.

Câu 20. Phản ứng của chính quyền Sài Gòn sau khi mất thị xã Buôn Ma Thuột là:

- A. quyết tâm tử thủ Tây Nguyên.**
- B. chấp nhận từ bỏ Buôn Ma Thuột để bảo vệ các vùng còn lại của Tây Nguyên.
- C. rút bỏ toàn bộ Tây nguyên để giữ vững vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. chấp nhận rút bỏ vùng bắc Tây Nguyên để về giữ vững vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 21. Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã làm thay đổi chiến lược của ta như thế nào?

- A. Chuyển sang tổng tấn công chiến lược trên toàn miền Nam**
- B. Tiến công chiến lược ở Tây Nguyên
- C. Chuyển sang tiến công chiến lược ở thành thị
- D. Tiến công chiến lược ở nông thôn

Câu 22. Tỉnh nào là tỉnh được giải phóng đầu tiên trong năm 1975?

- A. Quảng Trị.
- B. Phước Long.**
- C. Kon Tum.
- D. Thừa Thiên Huế

Câu 23. Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhận định:

- A. thời cơ chiến lược đã đến, có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam**
- B. phải tập trung nhanh nhất lực lượng binh khí kỹ thuật sau mùa mưa (05/1975)
- C. tiến hành chiến dịch mang tên giải phóng Sài Gòn
- D. thời cơ chưa chín muồi để giải phóng miền Nam

Câu 24. Thắng lợi của chiến dịch Huế - Đà Nẵng đã

- A. Đưa cuộc tiến công chiến lược sang Tổng tiến công trên toàn miền Nam.
- B. Chuyển cuộc tiến công của ta sang một giai đoạn mới với sức mạnh áp đảo.**
- C. Đánh dấu sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
- D. Tạo điều kiện thuận lợi để quân ta giải phóng Tây Nguyên.

Câu 25. "Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam" là nhận định của Đảng ta sau thắng lợi của chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Tây Nguyên
- B. Chiến dịch Hồ Chí Minh
- C. Chiến dịch Đường 14 - Phước Long
- D. Chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng**

Câu 26. Chiến dịch nào có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

- A. Chiến dịch Tây Nguyên.
- B. Chiến dịch Hồ Chí Minh**
- C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng
- D. Chiến dịch Đường 14 - Phước Long

Câu 27. Tinh thần "Đi nhanh đến, đánh nhanh thắng" và khí thế "Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng". Đó là tinh thần và khí thế ra quân của dân tộc ta trong chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Tây Nguyên.
- B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng**
- C. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử**
- D. Chiến dịch Đường số 14 - Phước Long

Câu 28. Cách đánh của ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh như thế nào?

- A. Tiến đánh từ vùng nông thôn để làm bàn đạp tấn công vào trung tâm thành phố
- B. Vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài tiến vào trung tâm thành phố Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não**
- C. Đánh từ bên trong trung tâm thành phố Sài Gòn để tiêu diệt cơ quan đầu não của địch, sau đó đánh chiếm những địa phương còn lại
- D. Kêu gọi binh lính đầu hàng, đàm phán với chính quyền địch

Câu 29. Trận chiến đấu gay go, quyết liệt nhất trong chiến dịch Hồ Chí Minh là trận nào?

- A. Trận Phước Long và Đường số 14
- B. Trận đánh ở Phan Rang**
- C. Trận đánh ở Xuân Lộc**
- D. Trận đánh ở sân bay Tân Sơn Nhất

Câu 30. Nét nổi bật về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng của Đảng Lao động Việt Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là:

- A. Lựa chọn đúng địa bàn và chủ động tạo thời cơ tiến công.**
- B. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên chiến tranh cách mạng.
- C. Kết hợp tiến công và khởi nghĩa của lực lượng vũ trang
- D. Kết hợp đánh nhanh và đánh chắc, tiến chắc.

Câu 31. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, lực lượng chính trị giữ vai trò

- A. hỗ trợ lực lượng vũ trang.**
- B. quyết định thắng lợi.**
- C. nòng cốt.
- D. xung kích.

Câu 32. Nguyên nhân nào có tính chất quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?

- A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn
- B. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng**
- C. Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa
- D. Sự giúp đỡ của các nước XHCN, tinh thần đoàn kết của nhân dân 3 nước Đông Dương

Câu 33. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước đã mở ra kỉ nguyên gì?

- A. Kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội**
- B. Kỉ nguyên chuyển lên chủ nghĩa cộng sản
- C. Kỉ nguyên độc lập, tự do
- D. Kỉ nguyên nhân dân lao động lên nắm quyền

Câu 34. Hội chứng "sau Việt Nam" ở Mĩ đề cập đến tác động của sự kiện nào?

- A. Thất bại của Mĩ ở miền Nam Việt Nam năm 1975**
- B. Chính sách di tản người Việt Nam vào Mĩ sau năm 1975
- C. Chính sách cấm vận của Mĩ đối với Việt Nam sau năm 1975

D. Thất bại của Mỹ trong việc đưa quân Mỹ và miền Nam Việt Nam

Câu 35. Nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954-1975) là

- A. hậu phương miền Bắc được xây dựng vững chắc.
- B. tinh thần đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương,
- C. sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.**
- D. sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 36. Trong hai cuộc kháng chiến chống đế quốc xâm lược (1945 – 1975), nhân dân Việt Nam đã giành thắng lợi bằng việc?

- A. Dùng sức mạnh của nhiều nhân tố thắng sức mạnh quân sự và kinh tế**
- B. Dùng sức mạnh của vật chất đánh thắng sức mạnh của ý chí và tinh thần
- C. Lấy số lượng quân đông thắng vũ khí chất lượng cao
- D. Lấy lực thắng thế, lấy ít thắng nhiều về quân số.

Câu 37. Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) đều

- A. có sự kết hợp với nổi dậy của quần chúng.
- B. có sự điều chỉnh phương châm tác chiến.
- C. tiêu diệt mọi lực lượng của đối phương
- D. là những trận quyết chiến chiến lược**

Câu 38. Quá trình kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam có điểm gì khác nhau?

- A. Kết hợp giữa sức mạnh truyền thống của dân tộc với sức mạnh hiện tại
- B. Huy động mọi nguồn lực để tạo nên sức mạnh giành thắng lợi
- C. Cách thức kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao**
- D. Lấy đấu tranh quân sự làm yếu tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh

Câu 39. Đảng Cộng sản và Chính phủ Việt Nam quyết định phát động hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975) đều xuất phát từ

- A. sự ủy nhiệm của Liên Xô và Trung Quốc
- B. tác động của cục diện hai cực - hai phe
- C. Tương quan lực lượng có lợi cho ta
- D. yêu cầu khách quan của lịch sử dân tộc**

Câu 40. Điểm chung của các chiến lược chiến tranh do Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam thời kỳ 1954 - 1975 là

- A. dựa vào quân đội các nước thân Mỹ
- B. kết hợp với ném bom phá hoại miền Bắc.
- C. có sự tham chiến của quân Mỹ
- D. dựa vào lực lượng quân sự Mỹ**

Câu 41. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi là một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và tính thời đại sâu sắc vì đã

- A. giáng đòn mạnh mẽ vào âm mưu nô dịch của chủ nghĩa thực dân.**
- B. tạo ra tác động cơ bản làm sụp đổ trật tự thế giới hai cực lanta.
- C. tạo nên cuộc khủng hoảng tâm lý sâu sắc đối với các cựu binh Mỹ.
- D. dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế - chính trị trầm trọng ở Mỹ.

Câu 42. Trong thời kỳ 1954 - 1975, đâu là một trong những nguyên nhân trực tiếp làm cho Việt Nam trở thành nơi diễn ra "sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc"? (Đề 301-THPT QG 2018)

- A. Phe xã hội chủ nghĩa ủng hộ Việt Nam chống Mỹ
- B. Ý chí thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam.**
- C. Hiệp định Giơnevơ chia Việt Nam thành hai miền.
- D. Sự chi phối của cục diện thế giới hai cực, hai phe.

MIỀN BẮC

- Câu 1.** Nội dung nào dưới đây **không** nằm trong âm mưu chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của Mĩ?
- A. Phá tiềm lực kinh tế, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc
 - B. Cứu nguy cho chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam**
 - C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam
 - D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước
- Câu 2.** Thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến, miền Bắc sẵn sàng với tinh thần gì?
- A. Tất cả vì tiền tuyến
 - B. Tất cả vì tuyến tuyến, Tất cả để chiến thắng,
 - C. Mỗi người làm việc bằng hai
 - D. Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người**
- Câu 3.** Khẩu hiệu "Nhằm thẳng quân thù mà bắn" là của ai?
- A. Nguyễn Văn Trỗi.
 - B. Nguyễn Viết Xuân**
 - C. Tự vệ mỏ than Quảng Ninh.
 - D. 12 cô gái Đồng Lộc
- Câu 4.** Trong giai đoạn chiến tranh phá hoại (1965-1968), lý do nào là quan trọng nhất khiến miền Bắc đẩy mạnh phát triển kinh tế địa phương, nhất là chú trọng phát triển nông nghiệp?
- A. Đảm bảo cho nhu cầu chiến đấu tại chỗ
 - B. Đảm bảo đời sống cho nhân dân địa phương
 - C. Hạn chế được sự tàn phá của chiến tranh
 - D. Miền Bắc phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hậu phương lớn, chi viện theo yêu cầu về sức người, sức của cho miền Nam, cả Lào và Campuchia**
- Câu 5.** Nội dung nào **không** phải là âm mưu của Mĩ khi tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc?
- A. Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng và công cuộc xây dựng Chủ nghĩa Xã hội ở miền Bắc
 - B. Ngăn chặn sự chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam
 - C. Làm lung lay ý chí chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta
 - D. Xâm lược và đặt ách thống trị miền Bắc để làm bàn đạp tấn công Trung Quốc**
- Câu 5.** Tinh thần chiến đấu của quân dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ được thể hiện qua khẩu hiệu nào?
- A. Không có gì quý hơn độc lập tự do
 - B. Nhằm thẳng quân thù mà bắn**
 - C. Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người
 - D. Thanh niên "ba sẵn sàng", phụ nữ "ba đảm đang"
- Câu 7.** Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc lần thứ nhất?
- A. Bị thất bại trong "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam
 - B. Bị thiệt hại nặng nề trong chiến tranh phá hoại miền Bắc
 - C. Bị nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới lên án
 - D. Bị thiệt hại nặng nề ở 2 miền Nam - Bắc cuối 1968**
- Câu 8.** Ý nghĩa lớn nhất của việc miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ là gì?
- A. Thể hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ của quân dân ta
 - B. Làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ
 - C. Bảo vệ miền Bắc,
 - D. Đánh bại âm mưu phá hoại miền Bắc của đế quốc Mĩ, miền Bắc tiếp tục làm nhiệm vụ của hậu phương lớn**

- Câu 9.** Thắng lợi của quân dân miền Bắc trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ đã có tác dụng như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta?
- A. Khẳng định quyết tâm chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ**
 - B. Buộc Mỹ phải rút quân Mỹ và quân chư hầu của Mỹ về nước
 - C. Buộc Mỹ phải chấp nhận đàm phán với ta ở Pari
 - D. Buộc Mỹ phải chấp nhận kí kết Hiệp định Pa-ri
- Câu 10.** Nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc trong thời kì 1965 - 1968?
- A. Chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ
 - B. Đảm bảo giao thông vận tải thường xuyên thông suốt, phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống
 - C. Vừa chiến đấu, vừa sản xuất và thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn**
 - D. Hỗ trợ cho cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam
- Câu 11.** Nội dung nào dưới đây **không** nằm trong âm mưu tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của Mỹ?
- A. Phá tiềm lực kinh tế, phá công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc
 - B. Cứu nguy cho chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam**
 - C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Nam vào miền Nam
 - D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mỹ của nhân dân hai miền Nam - Bắc
- Câu 12.** Âm mưu cơ bản nhất của việc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc?
- A. "Trả đũa" việc quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại Mỹ ở Playcu
 - B. Phá hoại hậu phương lớn của miền Nam (phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc)**
 - C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc ?
 - D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mỹ của nhân dân ta
- Câu 13.** Trong thời gian miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" (1969-1973) của Mỹ, nhiệm vụ nặng nề nhất của miền Bắc là gì?
- A. Làm nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam
 - B. Làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia
 - C. Vừa chiến đấu, vừa sản xuất, xây dựng hậu phương, đảm bảo cho cuộc chiến đấu tại chỗ và chi viện cho chiến trường**
 - D. Phải khắc phục kịp thời tại chỗ hậu quả của những cuộc chiến tranh ác liệt, tiếp nhận sự viện trợ từ bên ngoài và chi viện theo yêu cầu của tiền tuyến miền Nam, Lào, Cam-pu-chia
- Câu 14.** Vì sao Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc lần thứ nhất?
- A. Bị thất bại trong "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam
 - B. Bị thiệt hại nặng nề trong chiến tranh phá hoại miền Bắc
 - C. Bị nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới lên án
 - D. Bị thiệt hại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc cuối năm 1968**
- Câu 15.** Tập đoàn Nich-xơn thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai với ý đồ gì?
- A. Cứu nguy cho chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh và tạo thế mạnh trên đàm phán ở Pa-ri**
 - B. Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam và với Campuchia
 - C. Làm lung lay ý chí quyết tâm chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta
 - D. Phong tỏa cảng Hải Phòng và các sông, luông, lạch, vùng biển miền Bắc
- Câu 16.** Thắng lợi lớn nhất của quân và dân miền Bắc trong trận "Điện Biên Phủ " trên không là gì?
- A. Buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc
 - B. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc

- C. Đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, Lào, Campuchia
D. Buộc Mỹ ký hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam

Câu 17. Tại sao gọi là trận "Điện Biên Phủ trên không"?

- A. Thắng lợi có ý nghĩa như "trận Điện Biên Phủ".**
 B. Đánh bại cuộc tập kích bằng đường hàng không của Mỹ cuối năm 1972.
 C. Buộc Mỹ phải chấp nhận đàm phán ở Pa ri.
 D. Buộc Mỹ ký hiệp định Pa ri.

Câu 18. Thắng lợi quan trọng của Hiệp định Pari năm 1973 đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân là:

- A. làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ
 B. đánh cho "Mĩ cút", đánh cho "ngụy nhào"
C. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "ngụy nhào"
 D. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "Mĩ cút" đánh cho "ngụy nhào"

Câu 19. Trong các điều khoản của nội dung Hiệp định Pari, điều khoản nào có ý nghĩa nhất đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam?

- A. Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam
B. Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân Đồng minh, phá hết căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam
 C. Các bên để nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do
 D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt

Câu 20. Vì sao nói, thắng lợi của quân và dân miền Bắc trong việc đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng đường không của đế quốc Mỹ là chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không"?

- A. Vì cuộc chiến đấu xảy ra trên bầu trời Điện Biên Phủ
 B. Vì máy bay Mỹ bị bắn rơi nhiều nhất ở bầu trời Điện Biên Phủ
C. Vì tầm vóc chiến thắng của quân và dân miền Bắc nên thắng lợi này được coi như trận "Điện Biên Phủ trên không"
 D. Vì chiến dịch đánh trả máy bay Mỹ mang tên "Điện Biên Phủ trên không" nên thắng lợi này cũng mang tên "Điện Biên Phủ trên không"

Câu 21. Hãy xác định nội dung cơ bản của Hiệp định Pa-ri?

- A. Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.**
 B. Hoa Kỳ rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu về nước.
 C. Các bên để nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai của họ thông qua cuộc tổng tuyển cử tự do.
 D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 22. Điểm giống nhau giữa Hiệp định Giơnevơ (năm 1954) Hiệp định Pari (năm 1973):

- A. quy định thời gian rút quân là trong vòng 300 ngày.
 B. đều đưa đến thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến.
 C. thỏa thuận các bên ngừng bắn để thực hiện tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực.
D. các nước đế quốc cam kết tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.

Câu 23. Quyền dân tộc cơ bản được khẳng định trong Hiệp định Pa-ri năm 1973 là

- A. độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
 B. độc lập, tự chủ, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.
C. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
 D. độc lập, tự do, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

VIỆT NAM SAU 1975

A. VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC NĂM 1975

- Câu 1.** Nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong năm đầu sau đại thắng mùa Xuân năm 1975 gì?
- A. Lật đổ chính quyền Sài Gòn, giải phóng miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ.
 - B. Thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.
 - C. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục phát triển kinh tế xã hội và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
 - D. Tiến hành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, tăng cường kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu, nhanh chóng phát triển kinh tế đối ngoại.
- Câu 2.** Tình hình cách mạng nước ta sau đại thắng mùa xuân năm 1975 là
- A. nước ta đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
 - B. nước ta hoàn thành sự nghiệp thống nhất về mặt lãnh thổ.
 - C. nước ta hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước trên tất cả các lĩnh vực
 - D. nước ta đã hoàn thành cách mạng vô sản.
- Câu 3.** Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?
- A. Ổn định tình hình chính trị xã hội ở hai miền Nam Bắc.
 - B. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
 - C. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế
 - D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.
- Câu 4.** Hội nghị lần thứ 24 của BCH Trung ương Đảng tháng 9 năm 1975 đã đề ra nhiệm vụ gì?
- A. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
 - B. Thống nhất đất nước.
 - C. Hàn gắn vết thương chiến tranh.
 - D. Tổng tuyển cử bầu quốc hội chung trong cả nước.
- Câu 5.** Tại sao sau đại thắng mùa xuân năm 1975, ta cần phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước?
- A. Do mỗi miền tồn tại hình thức nhà nước khác nhau và đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước.
 - B. Đảng cần có một cơ quan đại diện quyền lực chung của cả nước.
 - C. Vì phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một"
 - D. Nhân dân mong muốn được sum họp một nhà và có một chính phủ thống nhất.
- Câu 6.** Sự kiện nào là sự kiện quan trọng nhất trong quá trình thống nhất về mặt nhà nước sau năm 1975?
- A. Hội nghị hiệp thương hai miền tại Sài Gòn (Tháng 11/1975).
 - B. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất họp phiên đầu tiên(24/6 – 2/7/1976).
 - C. Tổng tuyển cử quốc hội chung của cả nước(25/4/1976).
 - D. Đại hội thống nhất Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.(1/1977)
- Câu 7.** Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau năm 1975 đã mang lại ý nghĩa gì?
- A. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc.

- B. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên CNXH, mở rộng quan hệ quốc tế, đưa nhân dân chính thức làm chủ đất nước
- C. Phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, mở rộng quan hệ quốc tế, bảo vệ tổ quốc, đưa nhân dân chính thức làm chủ đất nước.
- D. Phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên CNXH, tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc và mở rộng quan hệ quốc tế.**

Câu 8. Ý nghĩa lớn nhất của kỳ họp thứ nhất quốc hội khóa VI là gì?

- A. Bầu ra Ban dự thảo Hiến Pháp.
- B. Bầu ra các cơ quan của quốc hội
- C. Hoàn thành việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước**
- D. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ

Câu 9. Điểm giống nhau về hoàn cảnh lịch sử diễn ra hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976 là:

- A. đối mặt với những nguy cơ đe dọa của thù trong, giặc ngoài
- B. được tiến hành ngay sau những thắng lợi to lớn của dân tộc Việt Nam**
- C. tình hình đất nước có những điều kiện thuận lợi về kinh tế - xã hội
- D. Được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân loại trên thế giới

Câu 10. Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1976) đã

- A. tạo khả năng to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.**
- B. đánh dấu việc hoàn thành khắc phục hậu quả chiến tranh.
- C. tạo điều kiện hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân
- D. đánh dấu sự hoàn thành thống nhất đất nước về hệ thống chính trị.

Câu 11. Từ tháng 9/1977, Việt Nam trở thành thành viên của Liên hợp quốc tạo cơ hội

- A. đảm bảo an ninh, chính trị của đất nước.
- B. được hội nhập vào xu thế toàn cầu**
- C. nâng cao vị thế và hình ảnh đất nước Việt Nam yêu chuộng hoà bình
- D. bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ dân tộc

ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CNXH TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2000

I. MỨC ĐỘ NHẬN BIẾT:

Câu 1. Mục tiêu của 3 chương trình kinh tế của kế hoạch 5 năm (1986-1990) : lương thực- thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, được đề ra trong Đại hội nào?

- A. Đại hội Đảng IV.
- B. Đại hội Đảng VII.
- C. Đại hội Đảng VI.**
- D. Đại hội Đảng V.

Câu 2. Đại hội VI của Đảng tháng 12/1986 xác định: đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, nhưng trọng tâm là đổi mới

- A. Kinh tế.**
- B. chính trị.
- C. kinh tế và chính trị.
- D. Kinh tế và văn hóa.

Câu 3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI(12-1986) của Đảng cộng sản Việt Nam xác định nhiệm vụ, mục tiêu trước mắt của kế hoạch 5 năm (1986-1990) là

- A. thực hiện bằng được mục tiêu của 3 chương trình kinh tế lớn: lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.**
- B. Đổi mới toàn diện về kinh tế.
- C. Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- D. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa.

Câu 4. Ba chương trình kinh tế được đề ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI là gì ?

- A. Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp.**

B. Phát triển kinh tế vườn - ao - chuồng.

C. Lương thực - thực phẩm - hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

D. Nông nghiệp - công nghiệp chế biến - xuất khẩu.

Câu 5. Quan điểm đổi mới của Đảng Cộng Sản Việt Nam (từ tháng 12-1986) **không** có nội dung nào dưới đây?

A. Lấy đổi mới chính trị làm trọng tâm.

B. Đi lên chủ nghĩa xã hội bằng những biện pháp phù hợp.

C. Không thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

Câu 6. Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12-1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế

A. thị trường tư bản chủ nghĩa

B. hàng bó có sự quản lý của nhà nước.

C. thị trường có sự quản lý của nhà nước.

D. tập trung, quan liêu, bao cấp.

Câu 7. Chủ trương đổi mới về kinh tế của Đại hội Đảng lần VI là gì?

A. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

B. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

C. Thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

D. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.

Câu 8. Công cuộc khôi phục kinh tế của Đảng (12 - 1986) được thực hiện thông qua

A. các kế hoạch 5 năm.

B. chiến lược phát triển hàng xuất khẩu.

C. các kế hoạch phát triển nền nông nghiệp sạch.

D. chiến lược phát triển hàng tiêu dùng trong nước.

Câu 9. Một trong những chủ trương của Đảng ta về đường lối đổi mới chính trị là

A. đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, từ kinh tế - chính trị đến tổ chức.

B. phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng con người mới.

C. xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

D. đổi mới phải kinh tế gắn liền với đổi mới về chính trị, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Câu 10. Thành công lớn nhất của ngoại giao Việt Nam năm 1995 là gì?

A. Việt Nam bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ.

B. Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO).

C. Việt Nam gia nhập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

D. Việt Nam gia nhập diễn đàn kinh tế châu Á Thái Bình Dương (APEC).

Câu 11. Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12-1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng

A. kinh tế tập trung.

B. kinh tế thị trường,

C. xã hội chủ nghĩa.

D. phân phối theo lao động.

II. MỨC ĐỘ THÔNG HIỂU

Câu 1. Tính chất nền kinh tế Việt Nam trong thời kì đổi mới là

A. kinh tế hàng hóa tự do cạnh tranh.

B. kinh tế xã hội chủ nghĩa.

C. kinh tế hàng hóa, có sự điều tiết của nhà nước.

D. kinh tế tập trung bao cấp.

Câu 2. Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12-1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương

A. tập trung đổi mới về kinh tế-xã hội.

B. đổi mới toàn diện và đồng bộ.

C. Đổi mới căn bản và toàn diện.

D. Tập trung đổi mới về chính trị, tư tưởng

Câu 3. Trong số 3 chương trình kinh tế của kế hoạch 5 năm (1986 - 1990), chương trình nào phải được đưa lên hàng đầu?

A. Lương thực, thực phẩm.

B. Hàng giá rẻ.

C. Hàng tiêu dùng.

D. Hàng xuất khẩu.

Câu 4. Thành tựu lớn nhất trong 5 năm (1986 - 1990) về lương thực là gì?

A. Đáp ứng nhu cầu lương thực trong nước, có dự trữ và xuất khẩu.

B. Lai tạo nhiều giống lúa mới.

C. Chuyển sang chuyên canh cây lúa.

D. Mở rộng diện tích trồng lương thực.

Câu 5. Nội dung nào **không phải** là nguyên nhân đưa đến việc Đảng ta phải thực hiện đường lối đổi mới?

A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng

B. Những thay đổi của tình hình thế giới, nhất là trước sự khủng hoảng ngày càng trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Do các thế lực ngoại xâm đang nhòm ngó nước ta.

D. Do những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Câu 6. Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới từ năm 1986 do

A. sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện.

B. nhân dân không đồng tình.

C. sự giúp đỡ của Liên Xô.

D. đất nước đang phát triển.

Câu 7. Nội dung nào sau đây **không phải** là chủ trương đổi mới về kinh tế của Đảng?

A. Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành nghề.

B. Xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường.

C. Phát triển nền kinh tế XHCN với hai thành phần: nhà nước và tập thể.

D. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

Câu 8. Trong đường lối đổi mới (1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chọn đổi mới kinh tế là trọng tâm vì:

A. hàng hóa trên thị trường khan hiếm.

B. yêu cầu giải quyết việc làm cho nhân dân.

C. đất nước đang khủng hoảng kinh tế trầm trọng.

D. do đất nước đang thiếu lương thực trầm trọng.

Câu 9. Yếu tố nào **không** thể hiện đúng những khó khăn, yếu kém của nền kinh tế Việt Nam trong công cuộc đổi mới từ 1986 - 2000?

A. Kinh tế phát triển chưa vững chắc.

B. Hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp.

C. Nền kinh tế vẫn duy trì cơ chế quản lí quan liêu bao cấp.

D. Năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành cao.

Câu 10. Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12-1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương

A. tập trung đổi mới về kinh tế-xã hội.

B. đổi mới toàn diện và đồng bộ.

C. đổi mới căn bản và toàn diện.

D. tập trung đổi mới về chính trị, tư tưởng.

Câu 11. Một trong những mục tiêu của đường lối đổi mới ở Việt Nam được đề ra từ tháng 12 - 1986 là

- A. bước đầu khắc phục hậu quả chiến tranh
- B. hoàn thiện cơ chế quản lí đất nước
- C. đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng
- D. hoàn thành công cuộc cải cách ruộng đất

Câu 12. Trong đường lối đổi mới (1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chọn đổi mới kinh tế là trọng tâm vì:

- A. hàng hóa trên thị trường khan hiếm
- B. yêu cầu giải quyết việc làm cho nhân dân
- C. đất nước đang khủng hoảng kinh tế trầm trọng
- D. do đất nước đang thiếu lương thực trầm trọng

III. MỨC ĐỘ VẬN DỤNG

Câu 1. Thực tiễn lịch sử nào là yếu tố quyết định Việt Nam phải tiến hành sự nghiệp đổi mới đất nước (từ năm 1986)?

- A. Các nước công nghiệp mới đạt nhiều thành tựu sau cải cách.
- B. Xu thế quốc tế hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ trên thế giới.
- C. Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ở Việt Nam diễn ra trầm trọng.
- D. Liên Xô và các nước Đông Âu tiến hành công cuộc cải tổ, cải cách.

Câu 2. Nhân tố nào sau đây trở thành nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam

- A. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
- B. sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do dân và vì dân
- C. không ngừng củng cố, tăng cường khối đoàn kết dân tộc
- D. sự lãnh đạo của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo

Câu 3. Những thành tựu Việt Nam đạt được trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1986 – 1990 chứng tỏ điều gì?

- A. Đường lối đổi mới là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.
- B. Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế – xã hội.
- C. Việt Nam đã giải quyết được sự mất cân đối về kinh tế.
- D. Đường lối đổi mới chưa phù hợp.

Câu 4. Những hạn chế của công cuộc đổi mới kinh tế (1986 - 2000) đã tác động đưa đến vấn đề xã hội cần giải quyết là

- A. xây dựng khối đoàn kết toàn dân vững mạnh.
- B. vấn đề thất nghiệp và nâng cao mức sống của nhân dân.
- C. đẩy mạnh các hoạt động khoa học và công nghệ.
- D. quan tâm đổi mới phát triển giáo dục và đào tạo.

Câu 5. Nội dung đổi mới về kinh tế ở Việt Nam (từ tháng 12 – 1986) và Chính sách kinh tế mới (1921) ở nước Nga có điểm tương đồng là

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng và giao thông vận tải.
- B. Xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần có sự quản lí của nhà nước.
- C. Xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, kiểm soát bằng pháp luật.
- D. Thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực.

III. MỨC ĐỘ VẬN DỤNG CAO

- Câu 1.** Trước xu thế tất yếu, khách quan không thể đảo ngược của toàn cầu hóa, Việt Nam cần phải
- A. đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
 - B. ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu khoa học – kĩ thuật.
 - C. sử dụng hiệu quả nguồn vốn và kĩ thuật bên ngoài.
 - D. nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức.**
- Câu 2.** Thách thức lớn nhất của Việt Nam phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa là gì?
- A. Sử dụng chưa hiệu quả nguồn vốn đầu tư.
 - B. Sự cạnh tranh quyết liệt từ thị trường thế giới.**
 - C. Sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế.
 - D. Sự chênh lệch về trình độ.
- Câu 3.** Việt Nam có thể rút ra kinh nghiệm gì từ sự phát triển kinh tế của các nước tư bản sau chiến tranh thế giới thứ hai để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?
- A. Ứng dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật.**
 - B. Khai thác và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên.
 - C. Tăng cường xuất khẩu công nghệ phần mềm.
 - D. Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động.
- Câu 4.** Một trong những yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến việc Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12 – 1986 là
- A. tình trạng lạc hậu của các nước Đông Nam Á.
 - B. Sự phát triển nhanh chóng của tổ chức ASEAN.
 - C. Cuộc khủng hoảng toàn diện và trầm trọng của Liên Xô.**
 - D. Cuộc khủng hoảng trầm trọng của nền kinh tế thế giới.
- Câu 5.** Điều kiện tiên quyết để nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội là gì?
- A. Có tiềm lực kinh tế mạnh.
 - B. Có tiềm lực quốc phòng mạnh.
 - C. Dân tộc ta phải phấn đấu.
 - D. Đất nước phải độc lập, thống nhất.**
- Câu 6.** Một trong những khó khăn, yếu kém về kinh tế - xã hội của nước ta sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 1990) là gì?
- A. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất còn lạc hậu
 - B. Kinh tế Nhà nước chưa được củng cố tương ứng với vai trò chủ đạo
 - C. Hiệu quả nền kinh tế quốc dân thấp, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế
 - D. Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm**
- Câu 7.** Một trong những bài học kinh nghiệm cơ bản được Đảng rút ra trong thời kì đầu đổi mới từ 1986 là:
- A. đẩy mạnh quan hệ đối ngoại hòa bình
 - B. tranh thủ sự giúp đỡ của các nước trong khu vực
 - C. duy trì môi trường hòa bình để xây dựng đất nước
 - D. huy động cả hệ thống chính trị vào công cuộc đổi mới**
- Câu 8.** Nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của công cuộc đổi mới từ 1986 đến nay là gì?
- A. tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài
 - B. đường lối đổi mới phù hợp của Đảng**
 - C. sức mạnh của sự đoàn kết toàn dân tộc
 - D. khai thác hiệu quả các nguồn lực sẵn có